



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

20/01/2025 – 24/01/2025

Khối Nghiên cứu












MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

THANH KHOẢN THẤP, CƠ HỘI Ở CỔ PHIẾU VỪA VÀ NHỎ

- Chứng khoán Mỹ vừa có tuần tăng mạnh nhất kể từ tuần sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11, qua đó cắt mạch giảm 2 tuần liên tiếp nhờ báo cáo lạm phát tháng 12 thấp hơn dự báo và nhà đầu tư lạc quan về sự khởi đầu tốt đẹp của mùa báo cáo tài chính quý 4/2024 từ các ngân hàng lớn. Trong khi đó, Chứng khoán Nhật Bản giảm mạnh khi Ngân hàng Trung ương (BOJ) có thể cân nhắc tăng lãi suất vào tuần này. Kể từ đầu năm, một số thị trường chứng khoán Châu Á vẫn chưa về vạch xuất như: Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và một số thị trường Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.
- Tuần này, tâm điểm chú ý của nhà đầu tư sẽ là lễ nhậm chức của Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump vào ngày thứ Hai (20/1). Nếu ông Trump áp thuế quan mạnh tay lên hàng hóa nhập khẩu như đã cảnh báo, châm ngòi chiến tranh thương mại, nhu cầu nắm giữ các tài sản an toàn để phòng ngừa rủi ro có thể tăng mạnh. Phát biểu trên kênh NBC News, ông Trump cho hay số lượng sắc lệnh ông sẽ ký sau khi nhậm chức vào ngày 20/1 vẫn chưa được xác định nhưng con số này sẽ lập kỷ lục.
- Thị trường trong nước phục hồi khá tích cực về mặt điểm số sau khi bị đẩy về vùng 1.220 điểm. Chốt tuần, chỉ số Vn-Index dừng ở 1.249,11 điểm, tăng +18,63 điểm, tương đương tăng +1,51% so với tuần trước, qua đó cắt mạch giảm 2 tuần liên tiếp. Thị trường hồi phục trên diện rộng, mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Tuần vừa qua, nhóm Smallcap tăng +2,65%, bên cạnh đó nhóm Midcap cũng vọt +2,5% và VN30 tiến thêm +1,57%. Nhóm cổ phiếu Đầu tư công vẫn đang có phong độ tốt trong vòng 1 tuần, 1 tháng qua và kể từ đầu năm tới nay. Bên cạnh đó là nhóm cổ phiếu BĐS KCN, Cao su tự nhiên, Chứng khoán, v.v... Mặc dù thanh khoản xuống thấp, khối ngoại vẫn bán ròng hơn -4.800 tỷ đồng trong tuần vừa qua, tập trung ở cổ phiếu VIC.
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 12.143 tỷ đồng, giảm -4,3% so với tuần trước, đây cũng là mức thấp nhất kể từ giữa tháng 5/2023, trong đó thanh khoản khớp lệnh sụt mạnh -14,8% còn 9.520 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường kể từ đầu năm chỉ đạt 12.628 tỷ đồng, giảm -31,33% so với tháng 1 năm ngoái và cũng giảm -23,51% so với tháng 12.
- Về kỹ thuật, mặc dù lấy lại hơn 18 điểm ở tuần vừa qua nhưng chỉ số Vn-Index vẫn chưa lấy lại được các ngưỡng trung bình quan trọng như MA50, MA100 và MA200 ngày. Tuần cuối cùng trước khi nghỉ Tết Nguyên đán, thị trường thường tăng điểm trên nền thanh khoản thấp, tuy vậy năm nay biên độ bên ngoài được cho là nguyên nhân khiến nhà đầu tư thận trọng, do vậy dòng tiền sẽ tập trung ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ để tránh rủi ro từ khối ngoại. Về mặt điểm số, thị trường khó tăng mạnh khi phía trước là vùng cản khá dày ở khu vực 1.260 điểm, trong khi vùng hỗ trợ là mức đáy 1.230 điểm.

Các sự kiện chính trong tuần này (20/01 – 24/01)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
20  Trung Quốc: Quyết định về lãi suất cho vay cơ bản của PBOC	21  Anh: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 11)  Canada: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 12)	22	23  Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	24  Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 12)  Nhật Bản: Quyết định lãi suất của BoJ  Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan (tháng 1)  Mỹ: Doanh số bán nhà hiện tại (tháng 12)  Mỹ: Chỉ số PMI sơ bộ (tháng 1)

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	855.23	2.56%	1.30%	1.65%	18.07%
Dow Jones	43,487.83	3.69%	1.51%	2.22%	14.85%
S&P 500	5,996.66	2.91%	1.11%	1.96%	23.90%
Europe	523.62	2.37%	4.27%	3.15%	11.59%
Japanese	38,438.00	-1.92%	-0.68%	-3.65%	6.88%
Korea	2,523.55	0.31%	4.97%	5.17%	2.05%
China	3,241.82	2.31%	-3.75%	-3.28%	14.46%
HongKong	19,584.06	2.73%	-0.69%	-2.37%	27.93%
Taiwan	23,148.08	0.59%	2.83%	0.49%	30.92%
Indian	23,203.20	-0.97%	-1.63%	-1.87%	7.56%
Singapore	3,810.78	0.24%	2.44%	0.61%	20.89%
Malaysia	1,566.72	-2.23%	-1.55%	-4.60%	5.41%
Indonesia	7,154.66	0.93%	2.45%	1.06%	-1.01%
Thailand	1,340.63	-2.00%	-1.79%	-4.26%	-3.03%
Philippine	6,352.12	-2.22%	-0.85%	-2.71%	-2.33%
Vietnam	1,249.11	1.51%	-0.67%	-1.39%	5.72%
Brent Oil	80.79	1.29%	10.76%	8.24%	2.84%
Crude Oil WTI	77.39	2.17%	12.13%	8.62%	5.65%
Gold	2,748.70	1.24%	4.41%	4.08%	35.45%
S&P 500 VIX	15.97	-18.27%	-13.02%	-7.95%	20.08%
Dollar Index	109.20	-0.26%	1.72%	0.83%	5.95%
U.S. 10Y	4.62	-2.95%	2.05%	1.09%	11.91%
U.S. 2Y	4.28	-2.27%	-0.83%	1.08%	-2.43%

Nguồn: Update 19/01, Investing, MBS Research

- Chứng khoán Mỹ cắt mạch giảm 2 tuần liên tiếp trong tuần vừa qua khi lạm phát tháng 12 thấp hơn dự báo, bên cạnh đó nhà đầu tư lạc quan về sự khởi đầu tốt đẹp của mùa báo cáo tài chính quý 4/2024 từ các ngân hàng lớn đã mang tới những con số doanh thu và lợi nhuận tốt hơn dự báo. Theo dữ liệu từ FactSet, trong số các công ty đã công bố báo cáo tài chính quý 4 tính đến thời điểm này, có 77% đạt lợi nhuận tốt hơn dự báo - tỷ lệ phản ánh một mùa báo cáo nhiều hứa hẹn ở Phố Wall. Tính cả tuần, Dow Jones và S&P 500 tăng tương ứng 3,7% và 2,9%. Đây là tuần tăng mạnh nhất của hai chỉ số này kể từ tuần sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11. Nasdaq tăng 2,5% cả tuần, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ đầu tháng 12.
- Tuần này, mối quan tâm lớn nhất của nhà đầu tư sẽ là lễ nhậm chức nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump. Ngay trong ngày cầm quyền đầu tiên, ông Trump có thể đưa ra một loạt quyết định quan trọng gồm vấn đề thuế quan.
- Sau khi các báo cáo lạm phát tháng 12 được công bố, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ quay đầu giảm mạnh từ mức cao nhất của hơn 1 năm, vì nhà đầu tư lại khắp khởi kỳ vọng Fed sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm nay. Chốt tuần, lợi suất của kỳ hạn 10 năm còn 4,62% từ mức đỉnh 4,79%.
- Giá dầu thô có tuần tăng thứ tư, do việc Mỹ siết trừng phạt đối với hoạt động xuất khẩu dầu của Nga làm dấy lên mối lo về sự gián đoạn nguồn cung.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

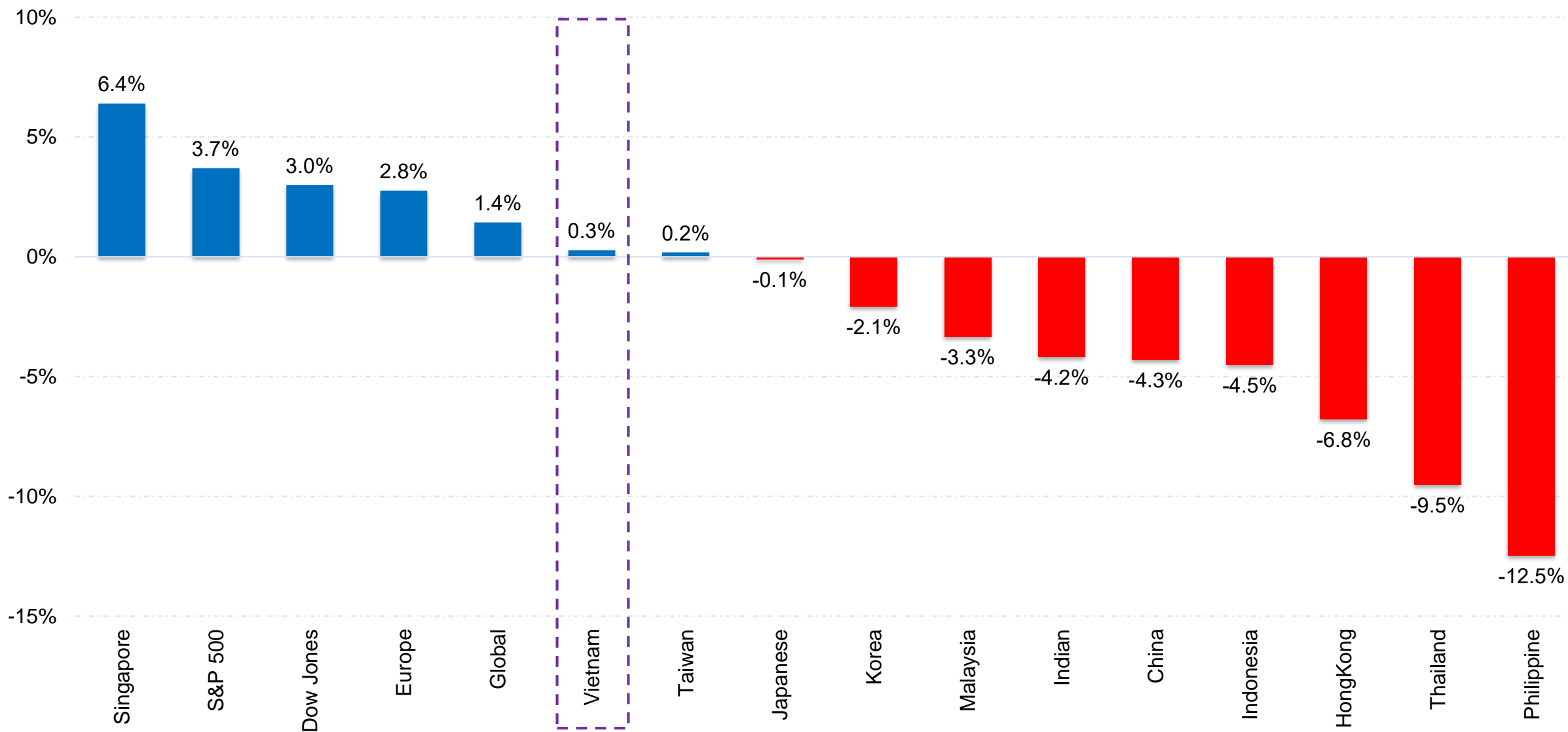


Các chỉ số chính của các thị trường chứng khoán trên thế giới



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Hiệu suất của các thị trường chứng khoán kể từ cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ (5/11/2024)



Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm sau các báo cáo lạm phát tháng 12

Sau khi các báo cáo lạm phát tháng 12 được công bố, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ quay đầu giảm mạnh từ mức cao nhất của hơn 1 năm, vì nhà đầu tư lại khắp khởi kỳ vọng Fed sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm nay. Chốt tuần, lợi suất của kỳ hạn 10 năm còn 4,62% từ mức đỉnh 4,79%.



Chỉ số Dollar Index dù điều chỉnh giảm trong tuần vừa qua nhưng vẫn ở trên ngưỡng 109 điểm

Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh của đồng USD so với một rổ gồm 6 đồng tiền chủ chốt khác tăng 0,35% ở phiên cuối tuần trước, chốt ở mức 109,203 điểm, nhưng đã giảm 0,26% trong tuần vừa qua nhưng vẫn cao hơn 1,72% so với cách đây 1 tháng và vẫn đang ở vùng cao nhất 2 năm qua.



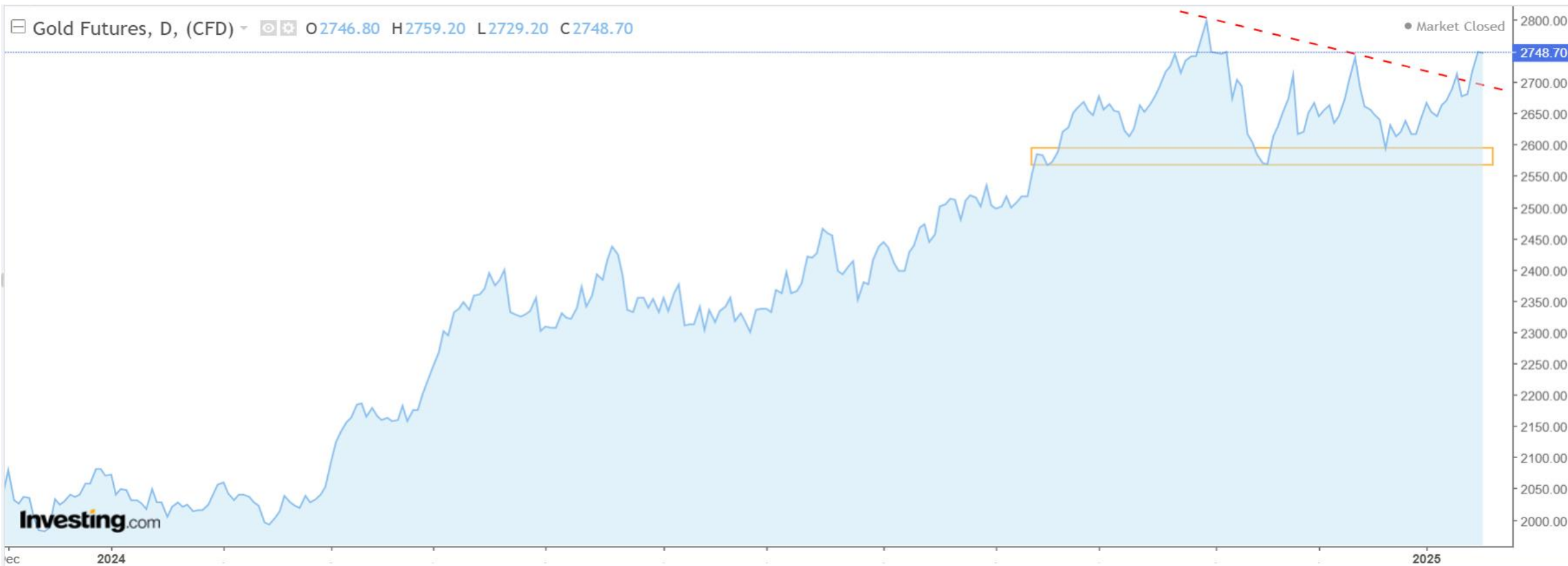
Giá dầu thô WTI tăng tuần thứ 4 liên tiếp

Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London chốt tuần ở mức 80,79 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York chốt ở 77,39 USD/thùng. Cả tuần, giá mỗi loại dầu đều tăng lần lượt 1,29% và 2,17%, đánh dấu tuần tăng thứ tư liên tiếp. Chất xúc tác chính đưa giá dầu đi lên trong tuần vừa qua là việc Mỹ siết trừng phạt đối với hoạt động xuất khẩu dầu của Nga làm dấy lên mối lo về sự gián đoạn nguồn cung.



Giá vàng vẫn duy trì được mốc chủ chốt 2.700 USD/oz và hoàn tất tuần tăng thứ ba liên tục

Giá vàng đã giảm mạnh vào đầu tuần khi tỷ giá đồng USD đạt mức cao nhất hơn 2 năm và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm cao nhất hơn 1 năm. Sau đó, trong các phiên ngày thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm, giá vàng liên tục tăng mạnh và tái lập mốc chủ chốt 2.700 USD/oz, khi đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ đồng loạt giảm nhanh. Nguyên nhân dẫn tới sự đảo chiều này là hai báo cáo lạm phát của Mỹ cho thấy lạm phát tháng 12 yếu hơn so với kỳ vọng, làm dấy lên hy vọng rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm nay. Trước đó, kỳ vọng Fed giảm lãi suất đã suy yếu nhanh sau báo cáo việc làm tháng 12 mạnh hơn dự báo của Mỹ.

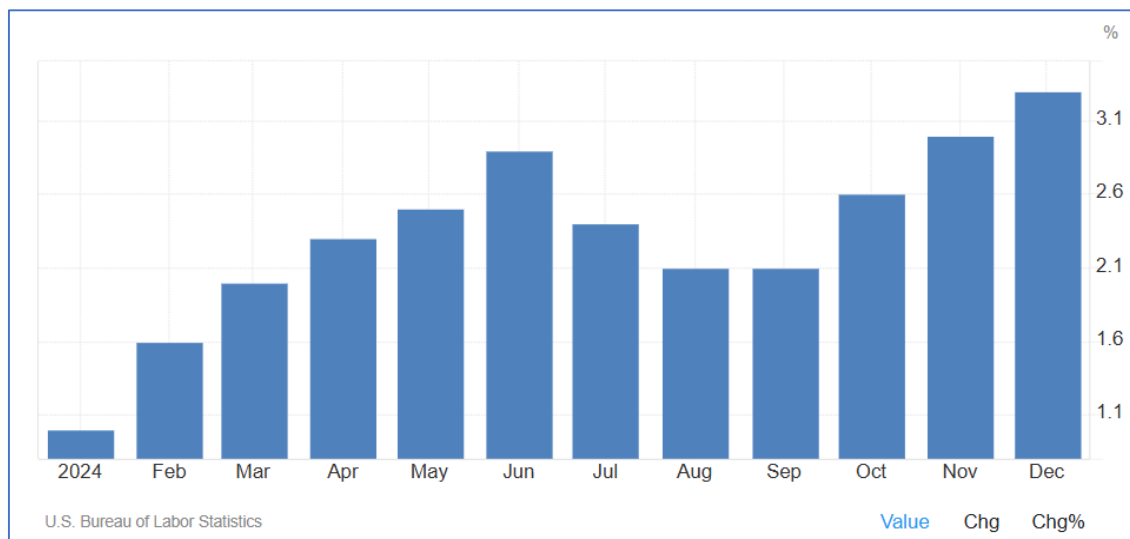


Lạm phát ở Mỹ tháng 12 yếu hơn so với kỳ vọng

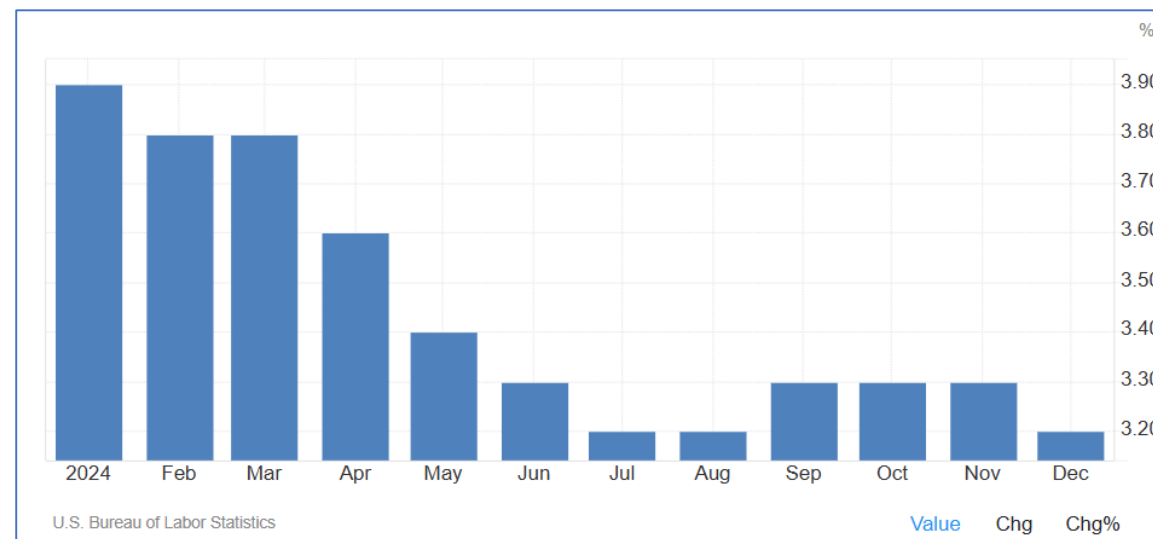
Báo cáo từ Cục Thống kê lao động (BLS) thuộc Bộ Lao động Mỹ cho thấy chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 12 của nước này chỉ tăng 0,2% so với tháng trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng 0,4% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. PPI lõi, thước đo không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng, đi ngang trong tháng. Chỉ số PPI toàn phần tăng +3.3% (YOY), thấp hơn kỳ vọng +3.5% và +3% của tháng trước. PPI lõi tăng +3.5% (YOY), thấp hơn kỳ vọng +3.8% và +3.5% của tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lõi - thước đo lạm phát không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng - tăng 3,2% trong tháng 12 so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng này giảm 0,1 điểm phần trăm so với mức tăng 3,3% của tháng trước và cũng thấp hơn tương tự so với mức dự báo tăng 3,3% mà các nhà kinh tế đưa ra trong cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Chỉ số CPI toàn phần tăng 2,9% so với cùng kỳ năm ngoái, phù hợp với dự báo.

Chỉ số giá nhà sản xuất (PPI)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lõi



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Thị trường việc làm Mỹ vượt xa dự báo trong tháng 12, Fed khó giảm lãi suất sớm

Theo báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ, khu vực phi nông nghiệp của nước này có 256.000 công việc mới trong tháng 12, cao hơn nhiều so với con số 155.000 công việc mới mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Tỷ lệ thất nghiệp giảm về mức 4,1%, thay vì duy trì ở mức 4,2% như dự báo.

Một tín hiệu đáng mừng là áp lực lạm phát từ chi phí nhân công đang có dấu hiệu hạ nhiệt trong tháng 12. Tiền lương bình quân theo giờ tăng 0.3% so với tháng trước, phù hợp với dự báo. Nếu xét trong 12 tháng, tiền lương bình quân theo giờ tăng 3.9%, thấp hơn kỳ vọng của thị trường.

Nhìn lại cả năm 2024, dù thị trường lao động tạo việc làm mới đều đặn qua từng tháng nhưng diễn biến không ổn định đã nhiều lần làm dấy lên lo ngại về nguy cơ suy thoái. Tuy vậy, những số liệu tích cực trong hai tháng cuối năm đã phần nào xoa tan những lo ngại này, đồng thời đặt ra thách thức mới cho Fed trong việc cân đối giữa kiểm soát lạm phát và duy trì đà tăng trưởng kinh tế.

Monthly job creation in the U.S.

January 2022–December 2024

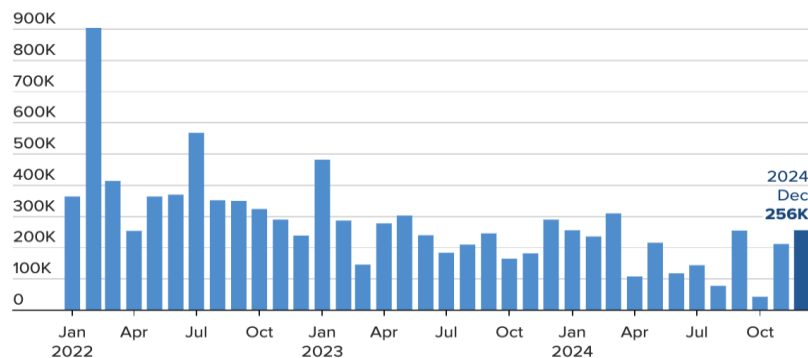


Chart: Gabriel Cortes / CNBC
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics via FRED
Data as of Jan. 10, 2025



U.S. unemployment rate

January 2021–December 2024

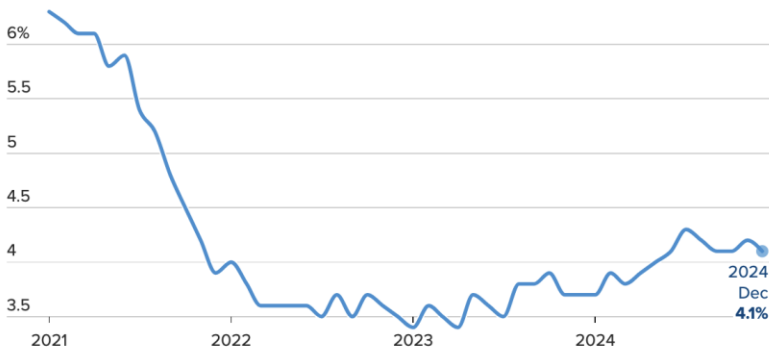


Chart: Gabriel Cortes / CNBC
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics
Data as of Jan. 10, 2025



U.S. wage growth

Year-over-year percent change in average hourly earnings | January 2022–December 2024



Note: All employees on private nonfarm payrolls
Chart: Gabriel Cortes / CNBC
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics
Data as of Jan. 10, 2025



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Fed dự báo sẽ giảm lãi suất chậm lại trong năm 2025

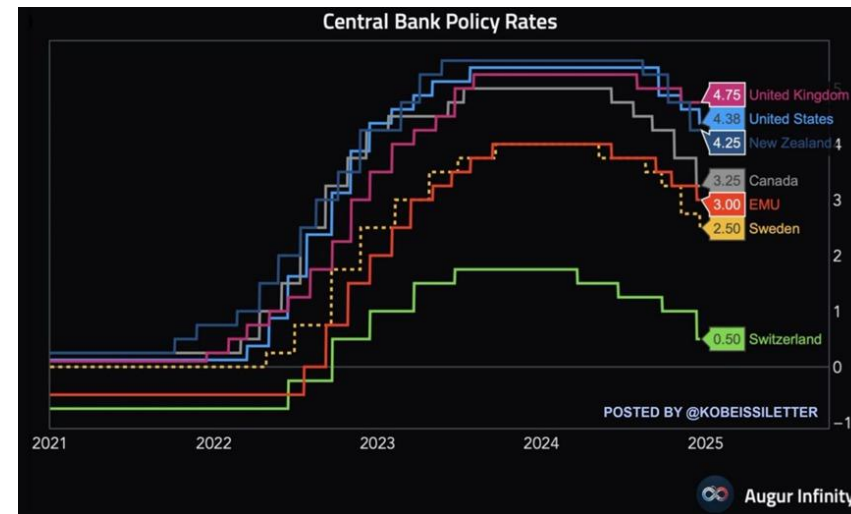
Theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME, các nhà giao dịch đang đặt cược khả năng 97% Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp vào cuối tháng này, đồng thời cũng cho rằng Fed sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 3. Khả năng Fed hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 3 đã giảm về mức khoảng 25%, từ mức 41% vào ngày hôm trước.

Biểu đồ dự báo lãi suất “dot plot” trong báo cáo triển vọng kinh tế được cập nhật hàng quý của Fed cho thấy các nhà hoạch định chính sách tiền tệ kỳ vọng chỉ có 2 lần giảm lãi suất trong cả năm 2025. Trong lần cập nhật trước, diễn ra vào tháng 9, Fed dự báo sẽ có 4 đợt giảm lãi suất vào năm tới.

Không khí thận trọng bao trùm các phát biểu của các quan chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trong ngày thứ Năm. Điểm chung trong các phát ngôn là Fed có thể sẽ giữ nguyên lãi suất ở mức hiện tại trong một thời gian dài, chờ đợi những tín hiệu rõ ràng hơn về việc lạm phát hạ nhiệt.

Nhìn lại các động thái gần đây, Fed đã thực hiện ba đợt cắt giảm lãi suất liên tiếp, với lần gần nhất vào tháng 12, hạ lãi suất chuẩn xuống 0.25 điểm phần trăm. Tổng mức giảm trong năm ngoái đã đạt một điểm phần trăm. Tuy nhiên, nhiều quan chức Fed hiện đang ủng hộ việc làm chậm tốc độ cắt giảm, do lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu 2% và thị trường lao động vẫn duy trì sức khỏe.

Các nỗ lực của Fed hiện đang tập trung vào mục tiêu duy trì lạm phát ở mức mục tiêu 2% và đảm bảo số việc làm tối đa. Tuy nhiên, các mục tiêu này hiện đang bị thách thức bởi các chính sách thuế quan và ngăn chặn người nhập cư mà ông Trump đề xuất, dự kiến có thể làm gia tăng áp lực lạm phát và thắt chặt thị trường lao động.



CME FEDWATCH TOOL - CONDITIONAL MEETING PROBABILITIES						
MEETING DATE	300-325	325-350	350-375	375-400	400-425	425-450
29/01/2025	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	2,7%	97,3%
19/03/2025	0,0%	0,0%	0,0%	0,8%	31,1%	68,1%
07/05/2025	0,0%	0,0%	0,2%	8,4%	40,3%	51,1%
18/06/2025	0,0%	0,1%	3,7%	21,9%	44,9%	29,4%
30/07/2025	0,0%	0,7%	6,7%	25,7%	42,3%	24,5%
17/09/2025	0,2%	2,2%	11,5%	29,9%	37,9%	18,4%
29/10/2025	0,5%	3,6%	14,2%	31,1%	35,0%	15,6%
10/12/2025	0,9%	5,1%	16,7%	31,7%	32,1%	13,3%

NHTW Trung Quốc cam kết giảm lãi suất và tỷ lệ dự trữ bắt buộc "vào thời điểm thích hợp"

Trung Quốc khẳng định có đủ nguồn lực tài khóa để ứng phó với các thách thức từ bên ngoài, đồng thời cam kết sẽ triển khai tốt hơn các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng trước thời điểm Donald Trump quay trở lại Nhà Trắng cuối tháng này.

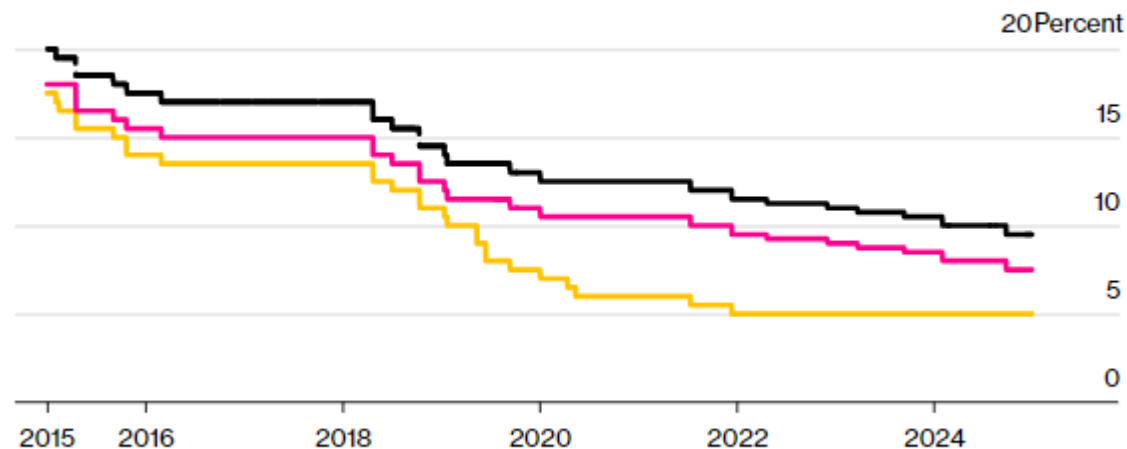
Trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với thách thức kép từ cả trong và ngoài nước, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) một lần nữa khẳng định sẽ cắt giảm lãi suất và tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho các ngân hàng "vào thời điểm thích hợp".

Hỗ trợ chính sách tiền tệ được xem là yếu tố then chốt đối với nền kinh tế Trung Quốc trong năm 2025, khi Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump cam kết áp thuế lên tới 60% đối với hàng hóa Trung Quốc. Trước đó, PBOC đã có kế hoạch cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) vào cuối năm 2024. Tuy nhiên, động thái này nhiều khả năng sẽ được dời sang quý 1/2025, nhằm dự phòng cho những tác động tiêu cực có thể xảy ra từ các mức thuế mới của Mỹ.

PBOC Seen Cutting RRR in 1Q 2025

A trim is seen delayed to prepare for external uncertainties

✓ RRR for major banks / For smaller banks / For rural commercial banks

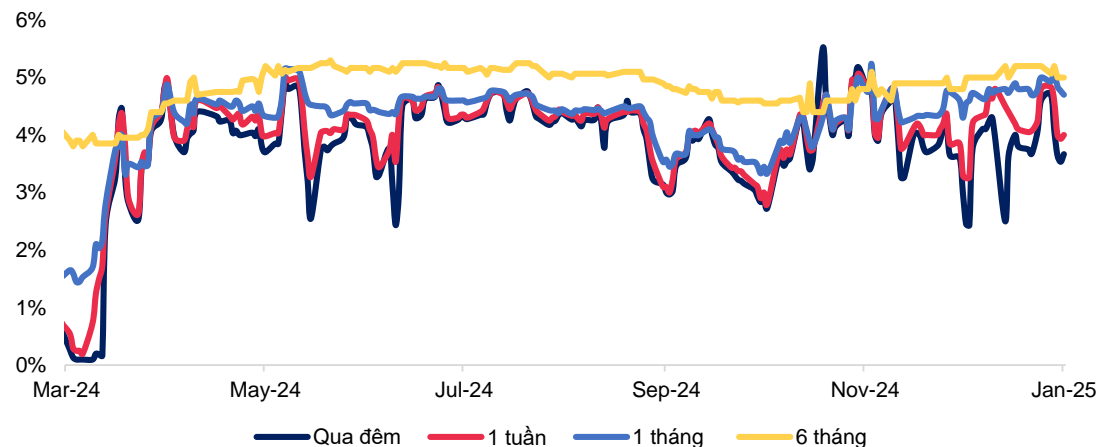


Source: People's Bank of China, Bloomberg

Lãi suất

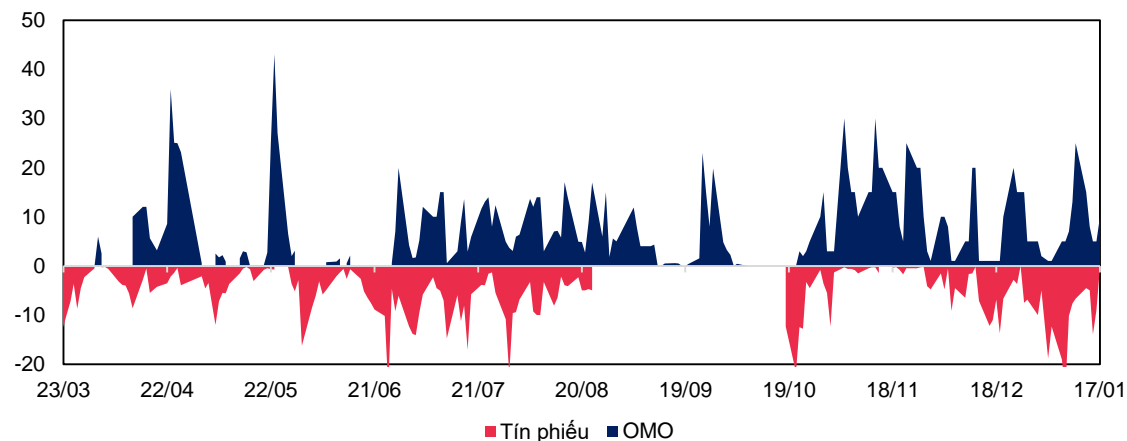
- Tuần vừa rồi, NHNN tiếp tục sử dụng đồng thời cả 2 kênh OMO cùng với phát hành tín phiếu nhằm điều tiết thanh khoản hệ thống. Trong đó, tổng trị giá tín phiếu phát hành ước đạt khoảng 32.8 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày với mức lãi suất 4%. Song song với đó, NHNN cũng tiếp tục bơm vốn qua kênh OMO với giá trị đạt 43 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%. Như vậy, trong tuần này NHNN bơm ròng hơn 6.9 nghìn tỷ đồng vào hệ thống. Chúng tôi ước tính khoảng 68.6 nghìn tỷ đồng tín phiếu sẽ đáo hạn trong tuần tới.
- Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm trong tuần vừa qua khi áp lực thanh khoản hạ nhiệt. Cụ thể, lãi suất qua đêm từ mức 4.7% ở đầu tuần đã giảm về mức 3.7% vào cuối tuần. Các kỳ hạn dưới 1 tháng hiện dao động trong khoảng 4% - 4.6%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng đang giao dịch ở mức 5%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

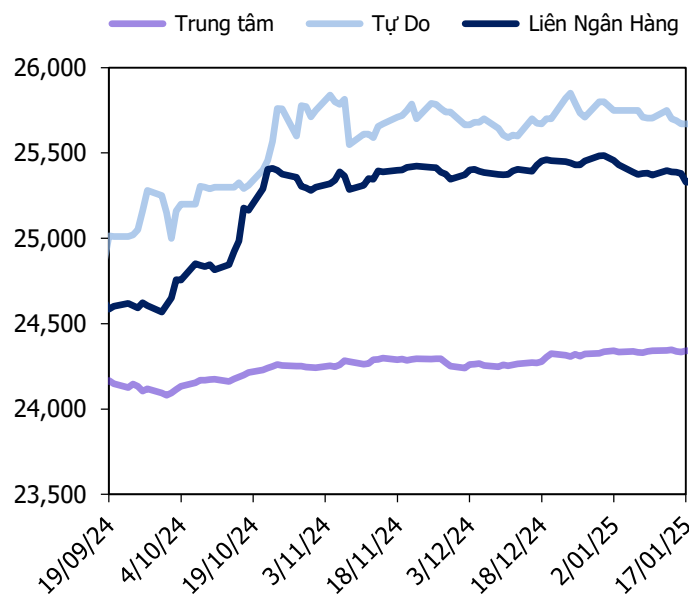


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

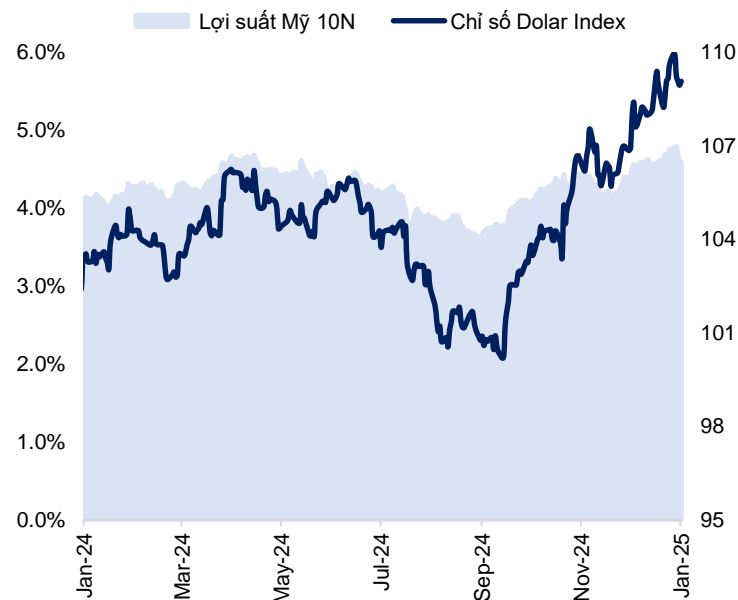
Chỉ số DXY duy trì xu hướng giảm trong tuần vừa qua khi giảm từ mức 110 điểm ở đầu tuần xuống mức 109.1 điểm vào cuối tuần khi hai báo cáo lạm phát gồm chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) và chỉ số CPI trong tháng 12 đều tăng yếu hơn kỳ vọng. Cụ thể, chỉ số CPI tháng 12 tăng 2.9% svck, và CPI lõi tăng 3.2% svck – đánh dấu lần đầu tiên lạm phát lõi giảm trong 6 tháng qua. Bên cạnh đó, chỉ số PPI tháng 12 chỉ tăng 0.2% so với tháng trước, thấp hơn nhiều so với mức dự báo của thị trường là 0.4%. Qua đó, những tín hiệu tích cực này đã giúp xoa dịu mối lo về khả năng Fed tăng lãi suất – điều mà một số nhà đầu tư lo ngại gần đây. Theo đó, thống đốc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Christopher Waller cho rằng Mỹ có thể sẽ hạ lãi suất 3 - 4 lần trong năm nay. Nhờ đó, tỷ giá đã giảm nhẹ trong tuần này. Cụ thể, tỷ giá liên ngân hàng hiện đang ở mức 25,330 VND/USD. Tỷ giá tại thị trường tự do hiện đang giao dịch tại 25,670 VND/USD, trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,341 VND/USD.

Tỷ giá USD/VND



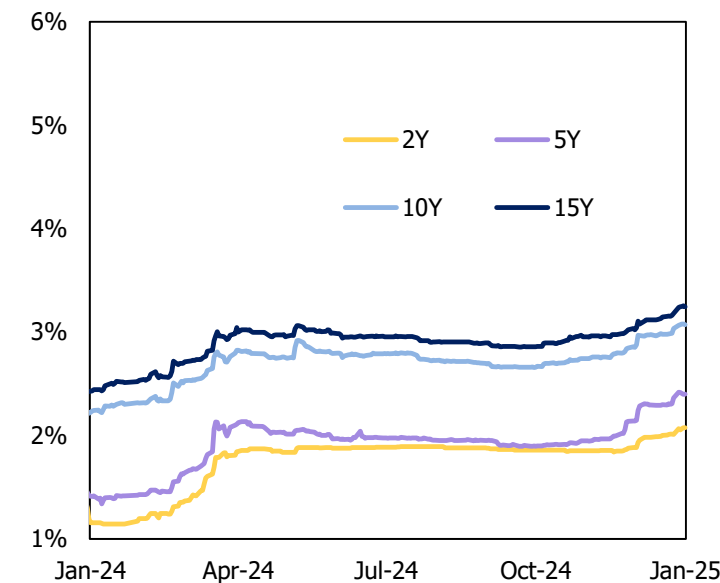
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

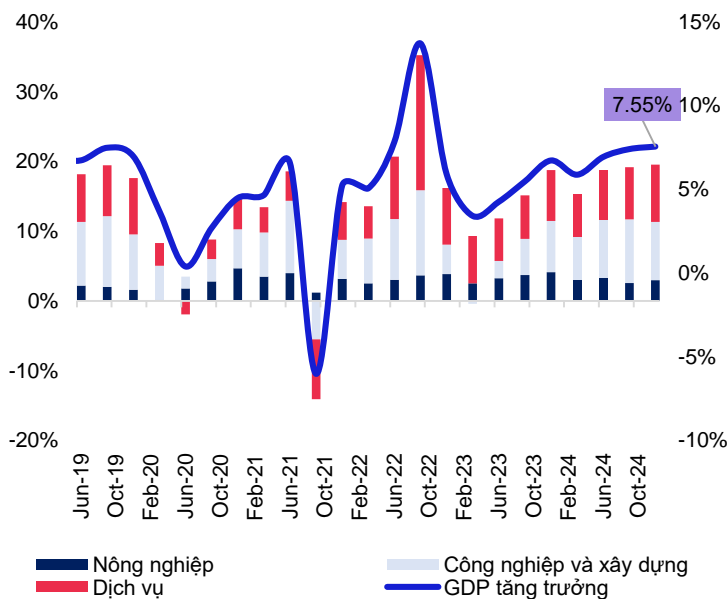
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Kinh tế vĩ mô trong nước

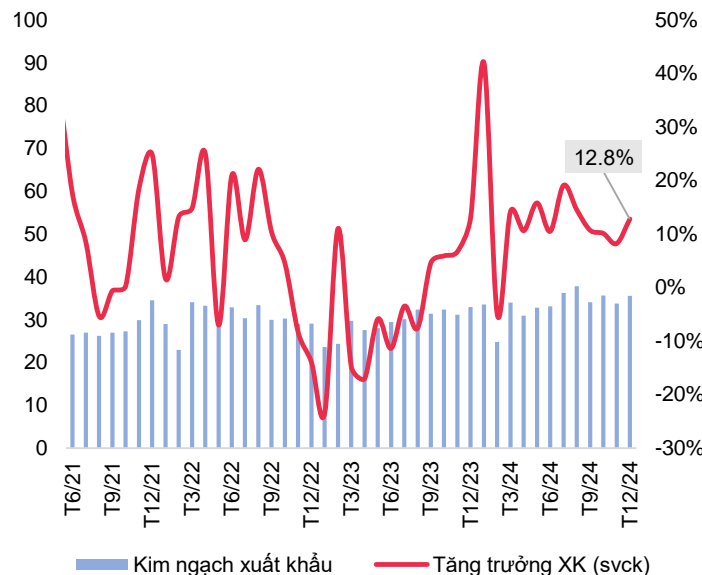
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2024 ước tính tăng 7.55% svck, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2017, 2018 trong giai đoạn 2011-2024. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.99%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.35%; khu vực dịch vụ tăng 8.21%. GDP năm 2024 ước tính tăng 7.09% svck.
- Trong 12T24, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 405.53 tỷ USD, tăng 14.3% svck. Nhiều mặt hàng của Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh như: Sản phẩm từ sắt thép (+58.1% svck), xơ, sợi dệt các loại (+47.5% svck), sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ (+32.2% svck). Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu đã cải thiện đáng kể so với tháng trước khi các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cuối năm, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 12 ước tăng 0.8% so với tháng trước và tăng 8.8% svck. Bên cạnh đó, chỉ số PMI tháng 12 cũng giảm xuống dưới mức 50 điểm lần đầu tiên trong 3 tháng, về mức 49.8 do số lượng đơn hàng mới tăng chậm hơn.

Tăng trưởng GDP theo từng nhóm ngành



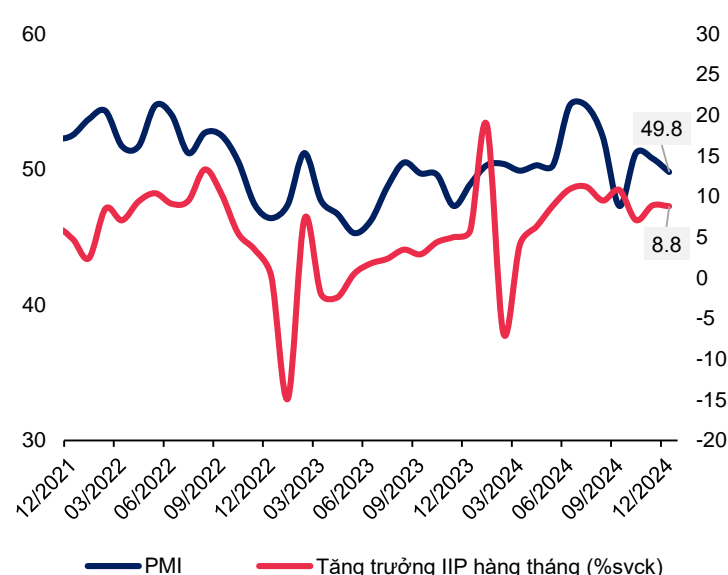
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

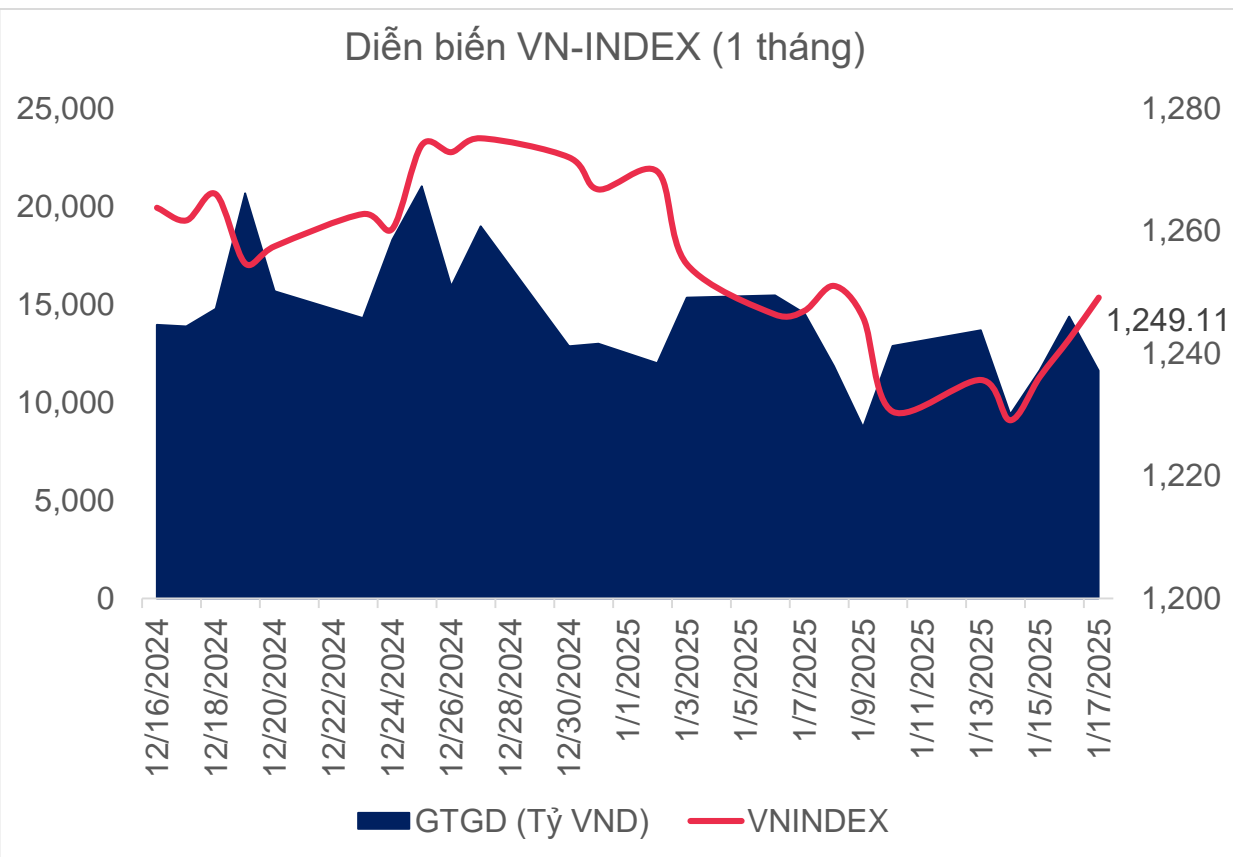
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



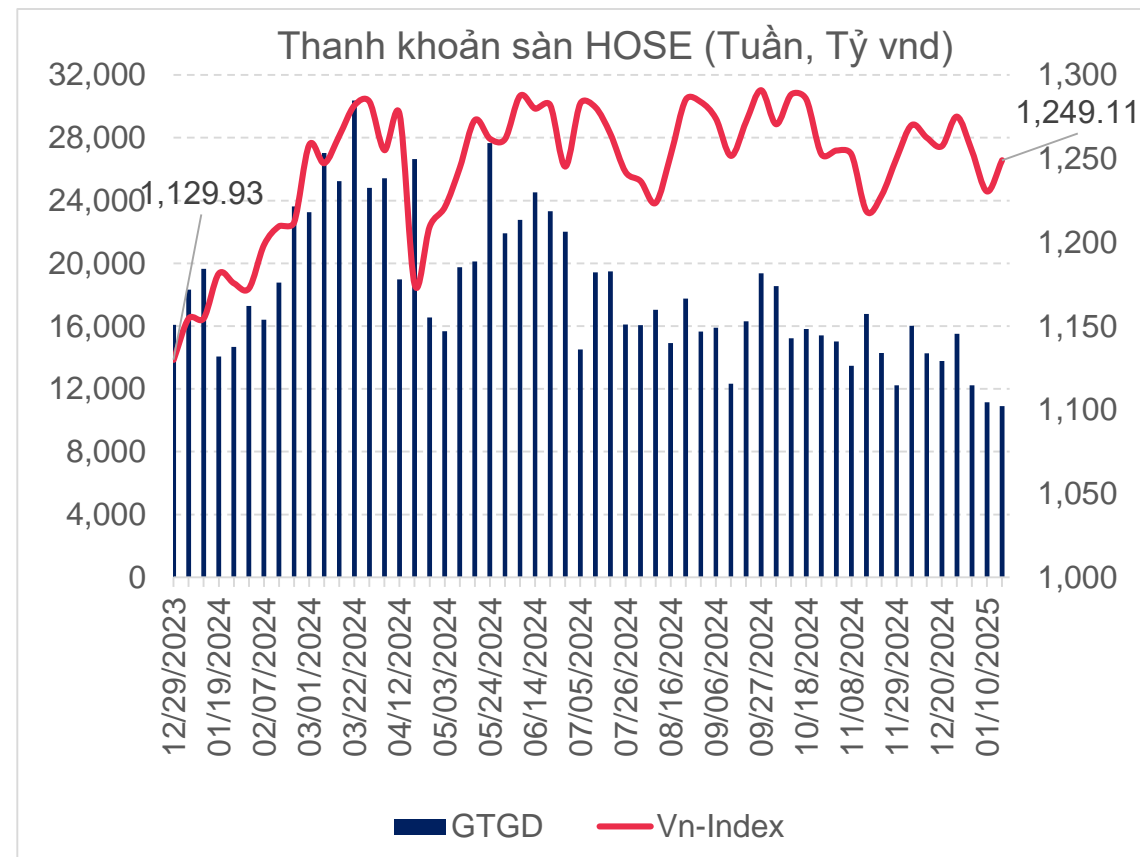
Chỉ số Vn-Index phục hồi trên diện rộng với mức tăng tập trung ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, thanh khoản khớp lệnh dưới 10.000 tỷ

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.249,11 điểm, tăng +18,63 điểm, tương đương tăng +1,51% so với tuần trước, qua đó cắt mạch giảm 2 tuần liên tiếp. Thị trường hồi phục trên diện rộng, mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Tuần vừa qua, nhóm Smallcap tăng +2,65%, bên cạnh đó nhóm Midcap cũng vọt +2,5% và VN30 tiến thêm +1,57%. Nhóm cổ phiếu Đầu tư công vẫn đang có phong độ tốt trong vòng 1 tuần, 1 tháng qua và kể từ đầu năm tới nay. Bên cạnh đó là nhóm cổ phiếu BĐS KCN, Cao su tự nhiên, Chứng khoán, v.v... Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 12.143 tỷ đồng, giảm -4,3% so với tuần trước, đây cũng là mức thấp nhất kể từ giữa tháng 5/2023, trong đó thanh khoản khớp lệnh sụt mạnh -14,8% còn 9.520 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường kể từ đầu năm chỉ đạt 12.628 tỷ đồng, giảm -31,33% so với tháng 1 năm ngoái và cũng giảm -23,51% so với tháng 12.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)



Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)

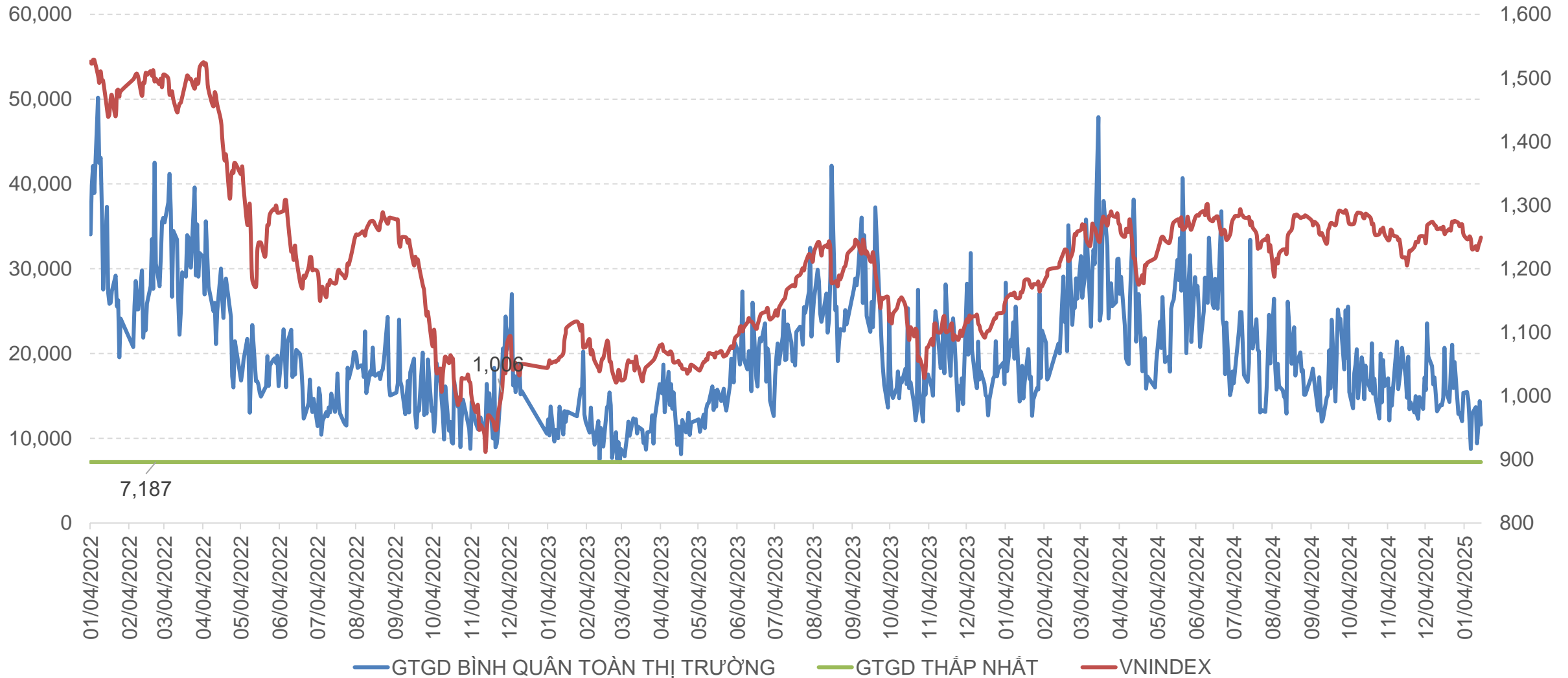


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Thanh khoản toàn thị trường vẫn ở mức thấp nhất trong vòng 2 năm, trong đó thanh khoản khớp lệnh dưới 10.000 tỷ đồng

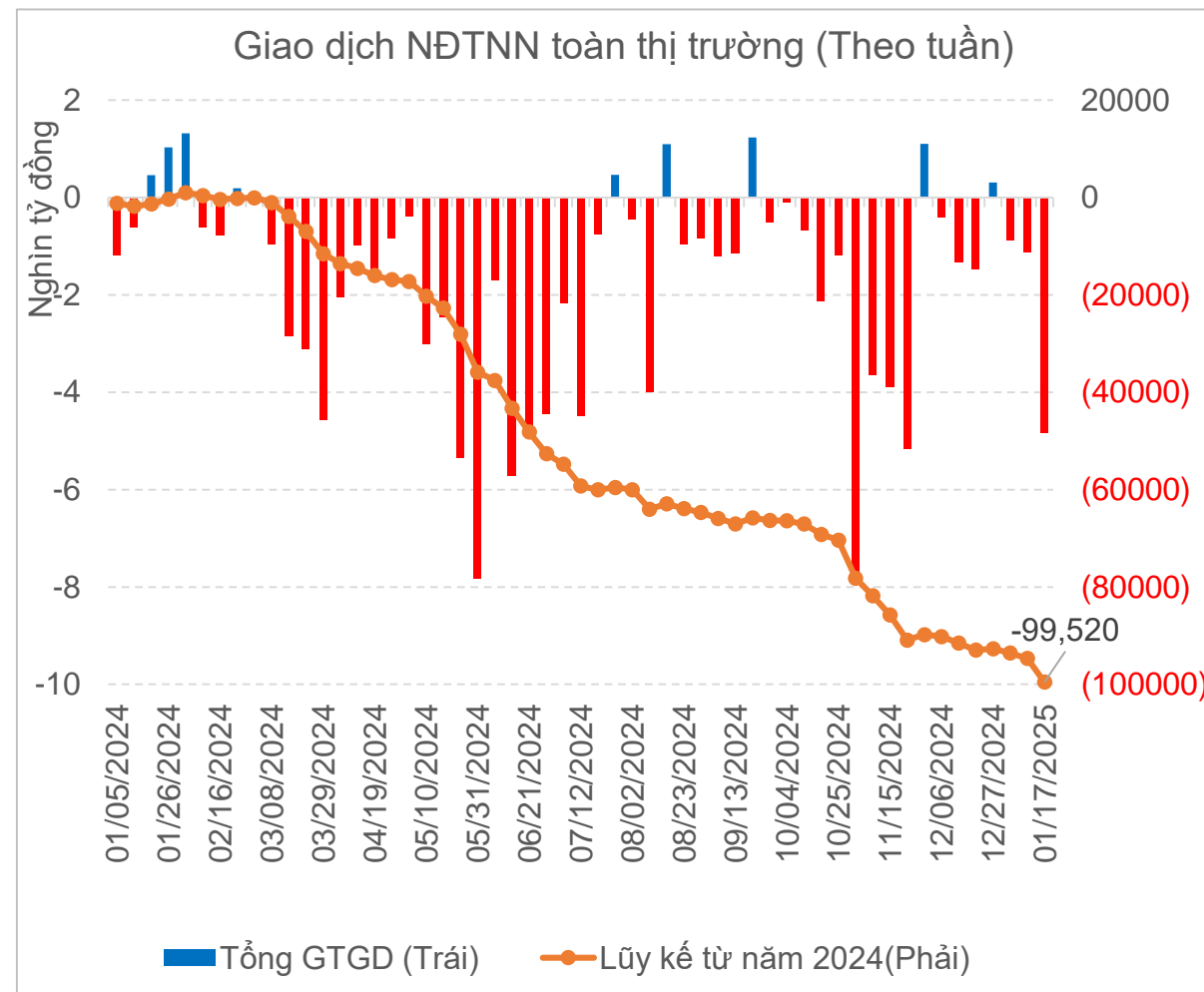
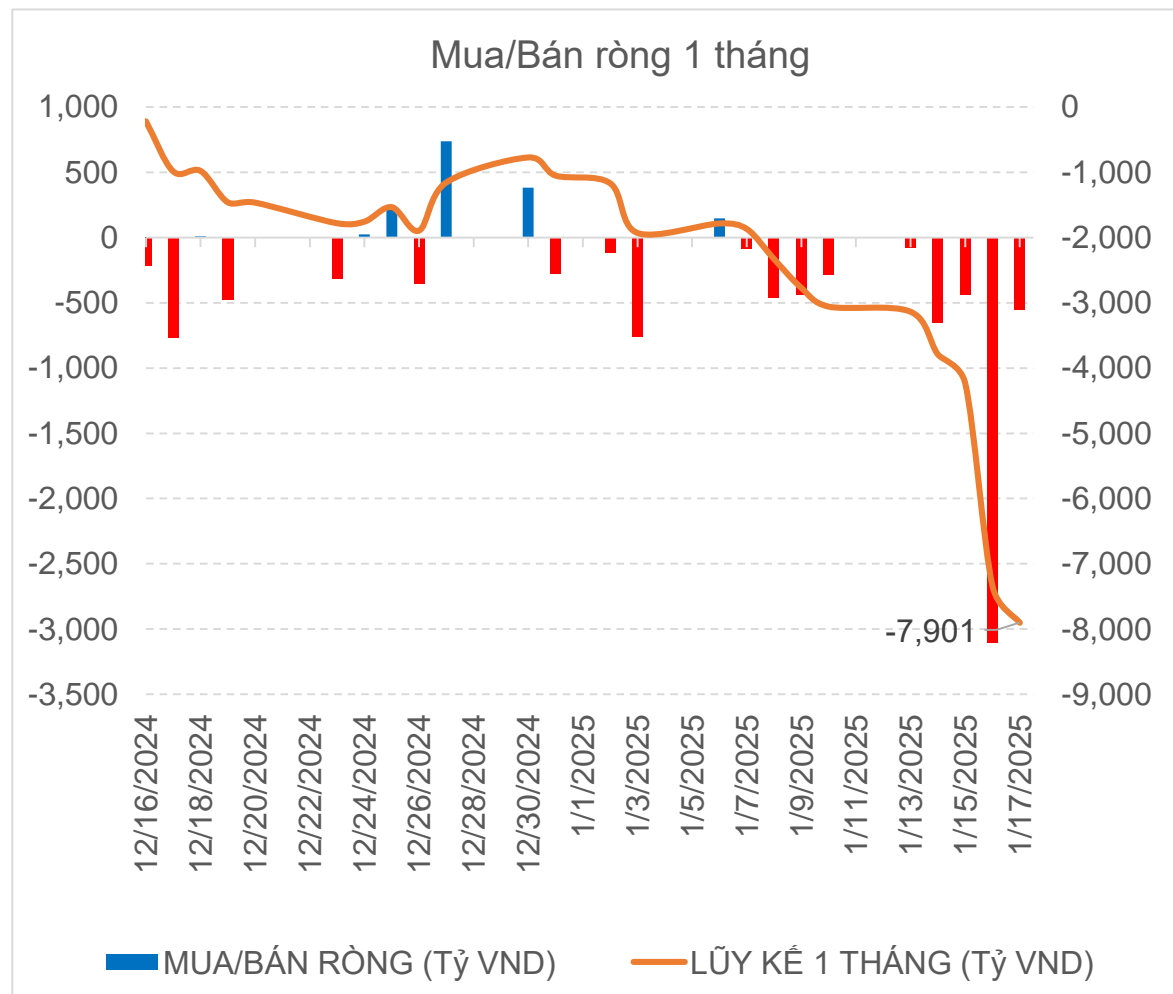
GIAO DỊCH VN-INDEX (2022 -2025)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -4.843 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -6.851 tỷ đồng

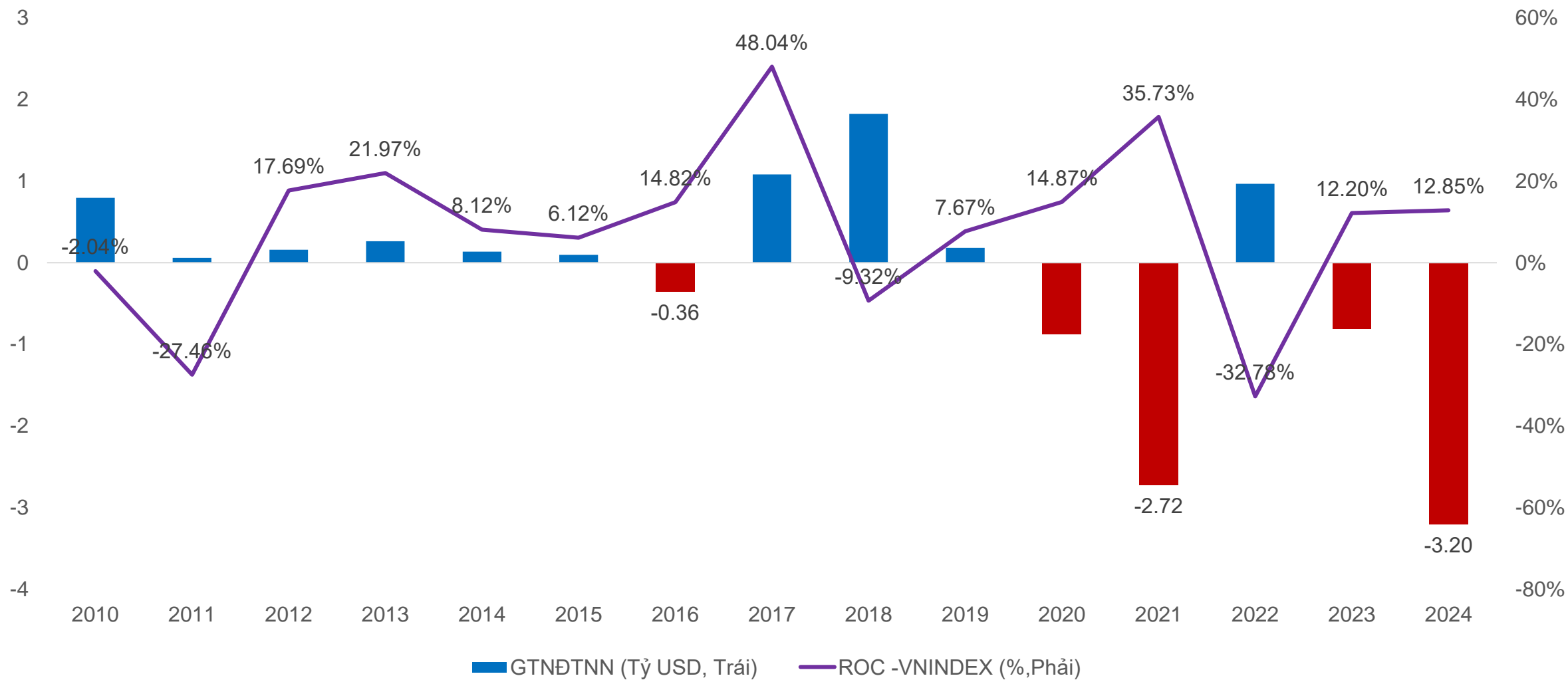


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng 4/5 năm vừa qua, cũng là 4/5 năm chỉ số Vn-Index tăng điểm. Năm 2024, khối ngoại bán ròng kỷ lục (3,2 tỷ USD)

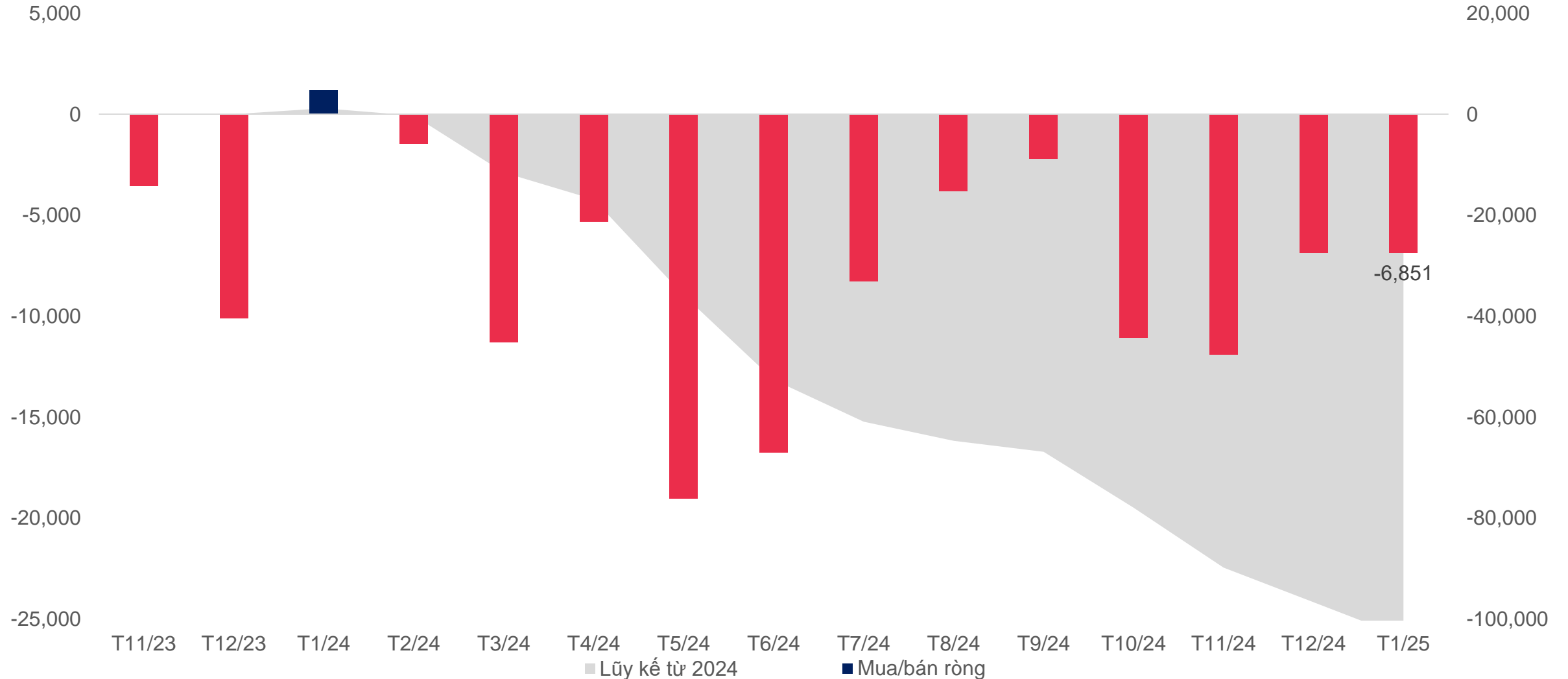
Giao dịch khối ngoại trên sàn HOSE và Vn-Index (2010 -2024)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Trong 20 tháng trở lại đây, khối ngoại duy nhất mua ròng tháng 1/2024 (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



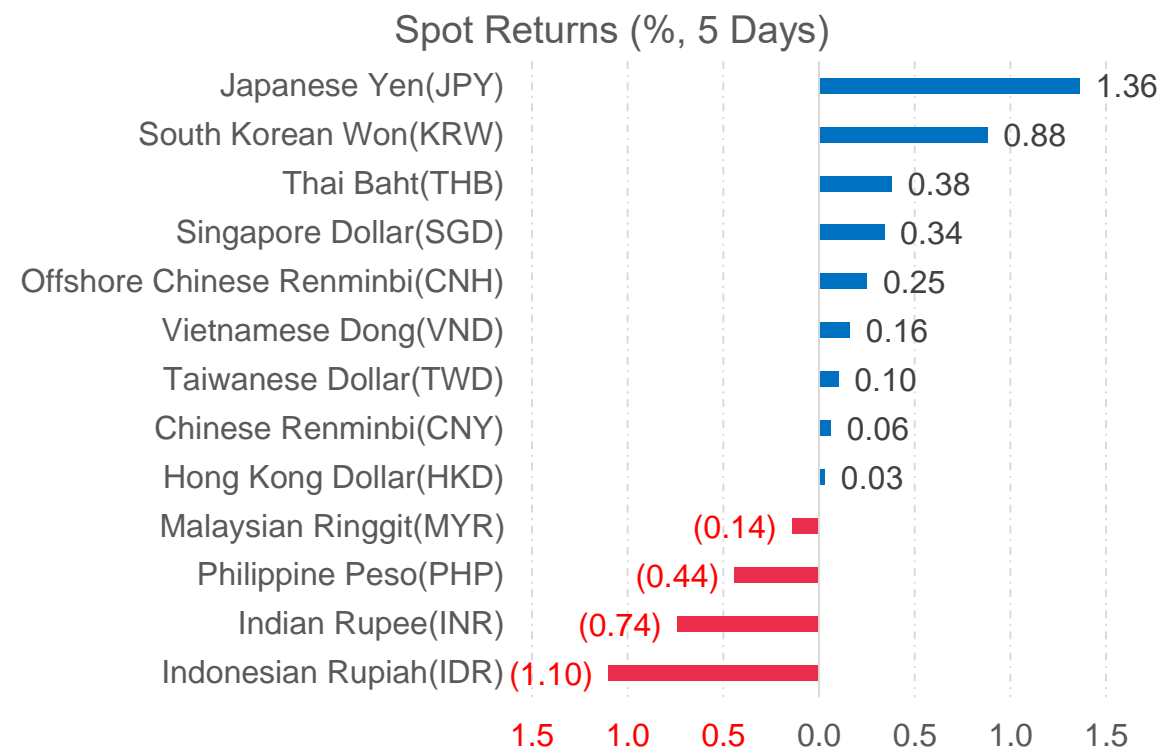
Mặc dù đồng tiền của nhiều thị trường Châu Á phục hồi so với đồng USD nhưng áp lực rút ròng từ dòng vốn ngoại vẫn tiếp diễn

Các ngân hàng trung ương trên khắp châu Á đang phải đối mặt với quyết định khó khăn sau khi khả năng Fed giảm lãi suất chậm lại trong năm 2025. Chỉ số tiền tệ châu Á của Bloomberg (Asia Dollar) đã giảm 4% trong năm 2024 và giảm 0,3% kể từ đầu năm 2025 với kỳ vọng thay đổi về chính sách của Fed đã thúc đẩy sự chuyển dịch sang nắm giữ đồng Đô la. Marcella Chow, chiến lược gia thị trường toàn cầu tại JPMorgan Asset Management cho biết: "Các ngân hàng trung ương châu Á có thể cần tập trung vào việc bảo vệ đồng nội tệ thay vì cắt giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế trong nước... Các ngân hàng trung ương vẫn có khả năng duy trì xu hướng nới lỏng".

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	30-Sep-24			96396	70179	52200	19065
India	15-Jan-25	-508.3	-1900.4	-4028.1	-4028.1	-4028.1	-4065.8
Indonesia	16-Jan-25	26.3	0.2	-181.1	-181.1	-181.1	540.8
Japan	10-Jan-25		1986.3	1515.1	1515.1	1515.1	-7210
Malaysia	16-Jan-25	-47.1	-247.1	-381	-381	-381	-1390.8
Philippines	16-Jan-25	-18.7	-54.9	-79.8	-79.8	-79.8	-565.4
S. Korea	16-Jan-25	-216.8	-483.4	283.8	283.8	283.8	1253.5
Sri Lanka	16-Jan-25	0.7	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-28.6
Taiwan	16-Jan-25	993.1	-1937.4	-2532	-2532	-2532	-17682
Thailand	16-Jan-25	-35.9	-123.3	-185.6	-185.6	-185.6	-3865
Vietnam	16-Jan-25	-120.6	-163.3	-241.4	-241.4	-241.4	-3238.2

Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



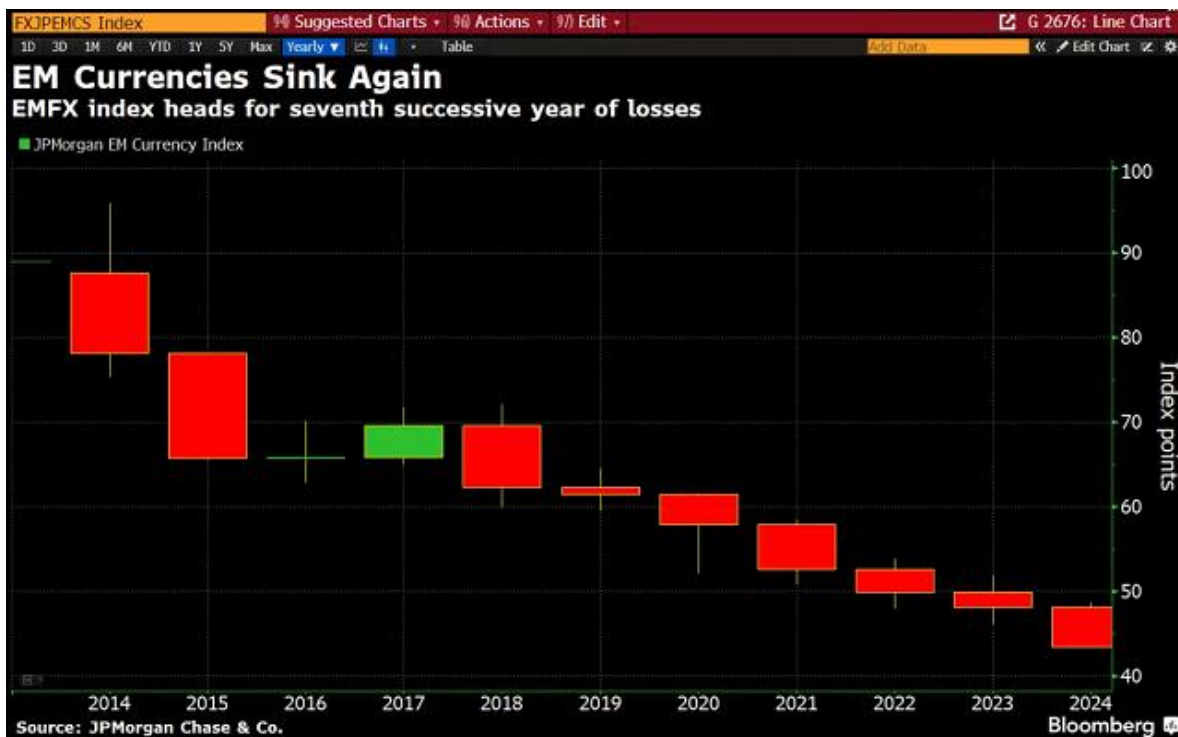
Các quỹ ETF bị rút ròng trong tuần vừa qua, trong đó VanEck (-6,21 triệu USD), DCVFMVN30 (-2,67 triệu USD), ...

	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
DCVFMVN Diamond ETF	-4.33%	-4.33%	20.47%	2.14	3.17	(9.90)	2.90	(308.46)
Fubon FTSE Vietnam ETF	-1.37%	-1.37%	-2.05%	(0.70)	(5.72)	(15.89)	(1.05)	(224.05)
SSIAM VNFIN LEAD ETF	-4.21%	-4.21%	9.12%	(0.08)	(0.67)	(4.66)	(0.51)	(71.09)
CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	-4.46%	-4.46%	-10.97%	0.06	(0.65)	(0.62)	(0.58)	(2.81)
DCVFMVN30 ETF Fund	-3.15%	-3.15%	13.30%	(2.67)	(8.97)	(18.43)	(4.48)	(96.65)
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	-1.11%	-1.11%	-4.44%	0.00	(3.09)	(25.98)	(2.22)	(76.03)
VanEck Vietnam ETF	-1.39%	-1.39%	-11.08%	(6.21)	(26.16)	(55.07)	(13.78)	(72.05)

Dòng vốn toàn cầu rời bỏ thị trường mới nổi sau hơn 10 năm thất vọng

Thị trường mới nổi đang chứng kiến một năm nữa trôi qua trong nỗi thất vọng của giới đầu tư. Không chỉ trong năm 2024, mà trong suốt thập kỷ qua, hy vọng "sang năm sẽ khá hơn" dường như ngày càng khó thuyết phục nhà đầu tư, đặc biệt khi viễn cảnh về các mức thuế quan và chiến tranh thương mại từ Donald Trump đang khiến nhiều nhà đầu tư cân nhắc việc rút lui hoàn toàn. Chỉ số tham chiếu MSCI Emerging Market tăng chưa đến 5% so với đầu năm, đánh dấu thêm một năm thua kém S&P 500. Nhìn lại 12 năm qua, có tới 11 năm thị trường mới nổi có hiệu suất kém hơn S&P 500. Trong giai đoạn này, cổ phiếu Mỹ mang lại cho nhà đầu tư tổng lợi nhuận khoảng 430%, gấp 10 lần so với cổ phiếu thị trường mới nổi. Điểm yếu cốt lõi của thị trường mới nổi nằm ở việc không thể vượt qua sức mạnh của đồng USD. Chỉ số tiền tệ thị trường mới nổi của JPMorgan Chase & Co. đang hướng tới năm thua lỗ thứ 7 liên tiếp.

Chỉ số tiền tệ thị trường mới nổi của JPMorgan Chase & Co. đang hướng tới năm thua lỗ thứ 7 liên tiếp.

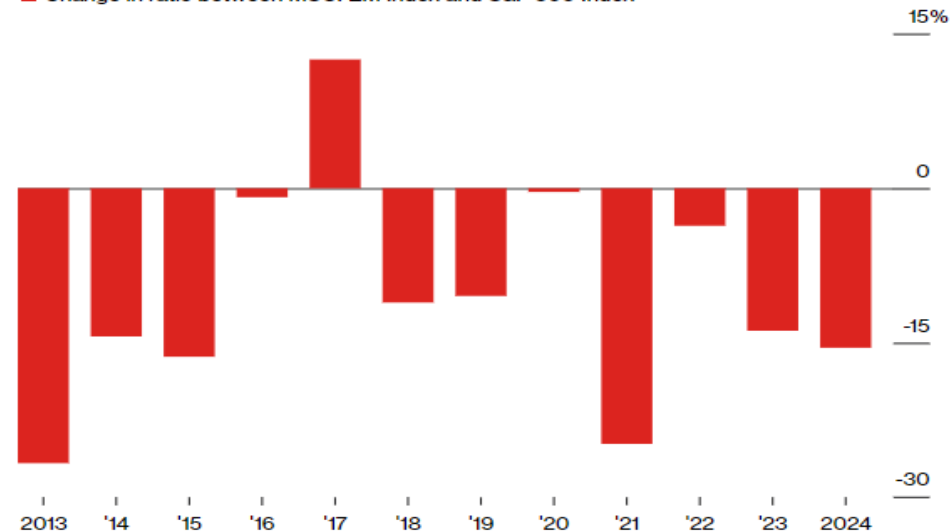


Nhìn lại 12 năm qua, có tới 11 năm thị trường mới nổi có hiệu suất kém hơn S&P 500

EM Stocks Are Perennial Laggards

MSCI benchmark has underperformed US in 11 of past 12 years

Change in ratio between MSCI EM Index and S&P 500 Index



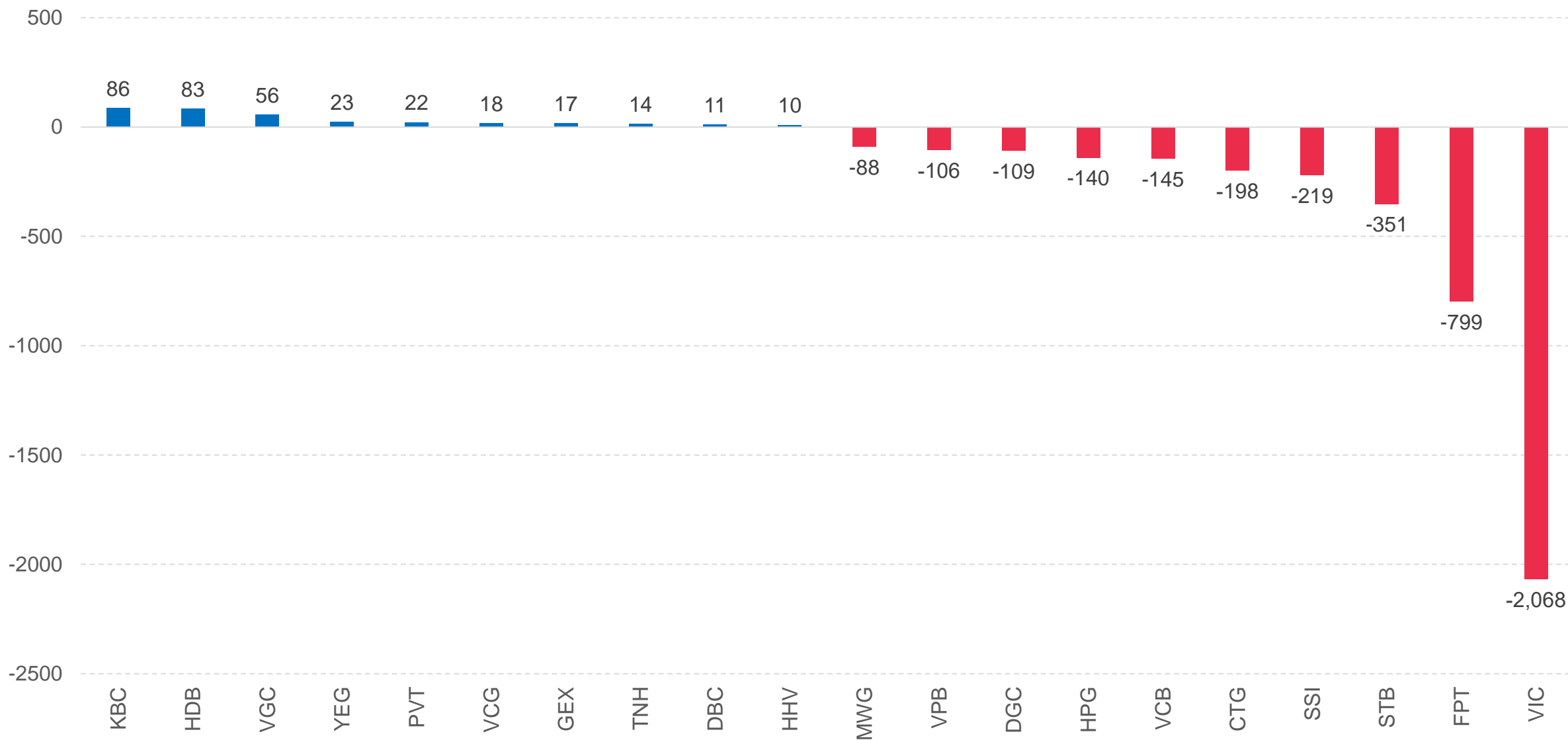
Source: Bloomberg

Note: Note: Data for 2024 through Dec. 18

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	01/17/2025	01/10/2025	01/03/2025	12/27/2024	12/20/2024
Dầu khí	-10.7%	-6.6%	-14.3%	-4.2%	8.4%
Ngân hàng	-17.6%	-14.2%	-15.3%	71.0%	-17.5%
Chứng khoán	-9.5%	2.4%	-9.8%	3.5%	-9.5%
Bất động sản	-28.7%	-7.5%	-31.4%	18.6%	-3.4%
Dệt may	-36.6%	10.1%	-46.5%	4.4%	20.0%
Bán lẻ	-20.0%	-22.2%	1.2%	10.0%	-11.6%
Vingroup	24.8%	-7.1%	0.9%	-0.1%	-15.0%
Xây dựng & VLXD	-5.1%	4.9%	-19.5%	-8.9%	-15.8%
Thực phẩm	-23.0%	23.6%	-14.4%	-2.5%	1.1%
Thủy sản	-45.7%	53.7%	-42.4%	18.5%	-16.4%
Logistics	41.3%	22.9%	-48.9%	22.7%	-1.5%
Dược phẩm	-8.9%	75.7%	-68.3%	29.3%	-13.2%
Sản xuất & PP Điện	-26.4%	4.6%	-30.5%	9.6%	-11.7%
Đầu tư công	111.3%	8.2%	-29.8%	150.2%	-23.7%
Hóa chất	-37.9%	-2.0%	-36.2%	32.4%	-5.2%
Cao su tự nhiên	10.9%	-11.4%	-15.4%	19.7%	-7.0%
Bảo hiểm	-25.0%	-9.8%	-20.2%	26.8%	-9.8%
Ô tô và phụ tùng	-29.8%	-22.0%	-1.6%	-8.3%	33.6%
Dịch vụ	1.8%	-32.6%	-19.0%	15.7%	26.8%
BDS KCN	0.2%	30.3%	-18.1%	35.7%	-25.2%
Viettel	-40.2%	18.9%	4.5%	30.7%	-19.5%
Du lịch	-51.4%	-53.9%	16.5%	182.8%	-52.7%
Công nghệ	2.6%	-5.4%	12.3%	-31.9%	-5.9%
Đường	-19.7%	-14.5%	4.1%	-23.2%	21.3%

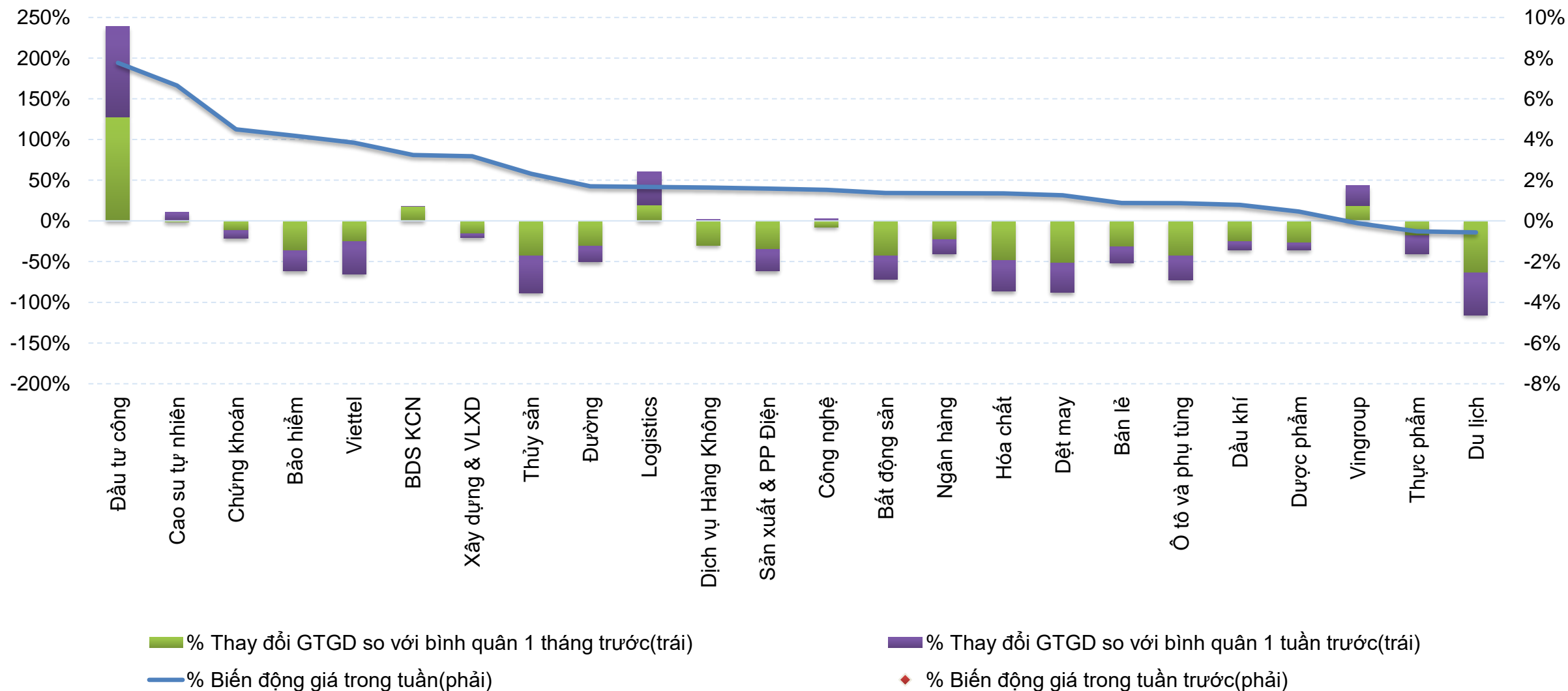
Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	01/17/2025	01/10/2025	01/03/2025	12/27/2024	12/20/2024
Dầu khí	2.9%	2.9%	3.0%	2.9%	3.6%
Ngân hàng	23.5%	25.0%	28.2%	27.2%	19.2%
Chứng khoán	10.5%	10.2%	9.6%	8.7%	10.1%
Bất động sản	7.4%	9.1%	9.5%	11.4%	11.6%
Dệt may	1.4%	1.9%	1.7%	2.6%	3.0%
Bán lẻ	4.4%	4.8%	6.0%	4.8%	5.3%
Vingroup	4.6%	3.2%	3.4%	2.7%	3.3%
Xây dựng & VLXD	7.1%	6.6%	6.1%	6.2%	8.2%
Thực phẩm	4.5%	5.1%	4.0%	3.8%	4.7%
Thủy sản	0.7%	1.1%	0.7%	1.0%	1.0%
Logistics	2.9%	1.8%	1.4%	2.2%	2.2%
Dược phẩm	0.7%	0.7%	0.4%	0.9%	0.9%
Sản xuất & PP Điện	0.9%	1.0%	1.0%	1.1%	1.2%
Đầu tư công	6.3%	2.6%	2.3%	2.7%	1.3%
Hóa chất	4.0%	5.6%	5.6%	7.1%	6.5%
Cao su tự nhiên	0.3%	0.3%	0.3%	0.3%	0.3%
Bảo hiểm	0.5%	0.6%	0.7%	0.7%	0.6%
Ô tô và phụ tùng	0.2%	0.3%	0.3%	0.3%	0.4%
Dịch vụ	1.8%	1.5%	2.2%	2.2%	2.3%
BDS KCN	4.2%	3.7%	2.7%	2.7%	2.4%
Viettel	3.6%	5.3%	4.3%	3.3%	3.1%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.1%	0.0%	0.0%
Công nghệ	7.4%	6.3%	6.4%	4.7%	8.3%
Đường	0.3%	0.3%	0.4%	0.3%	0.5%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



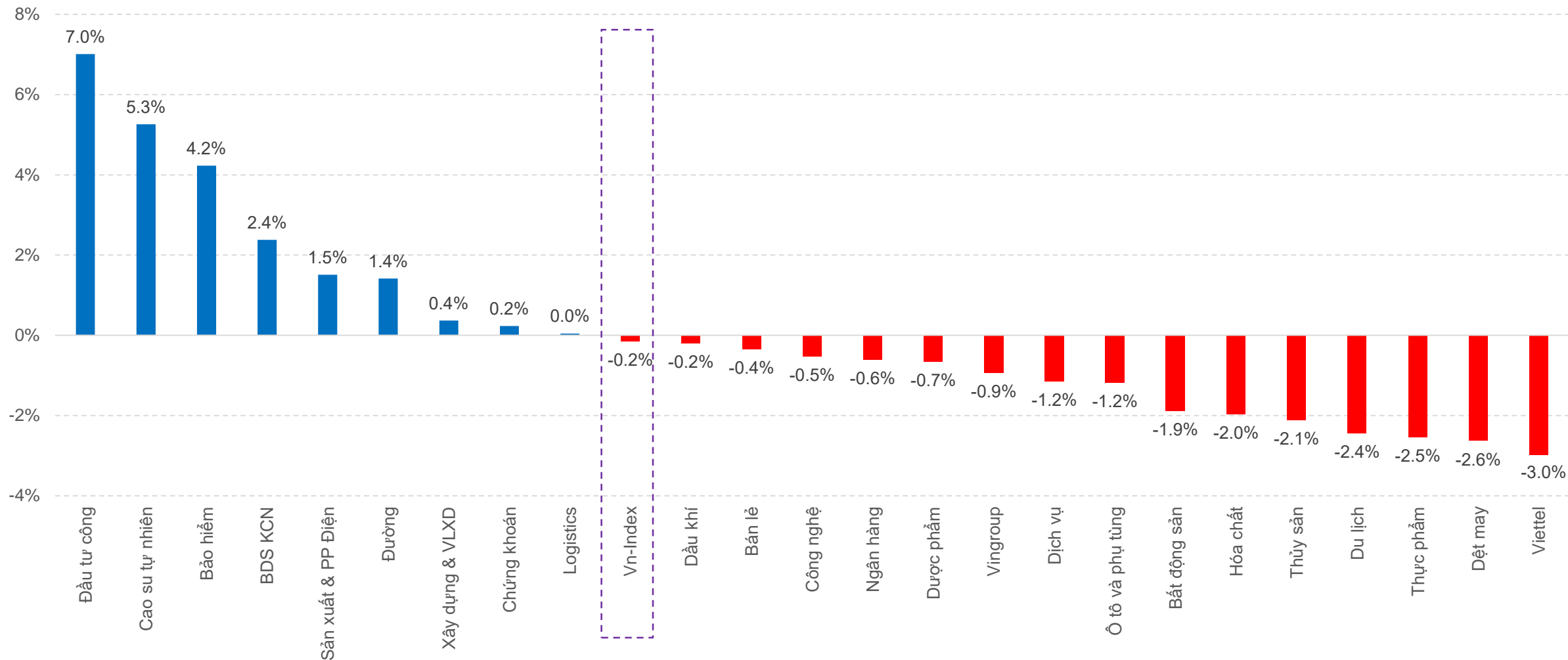
Biến động giá và dòng tiền theo nhóm ngành



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



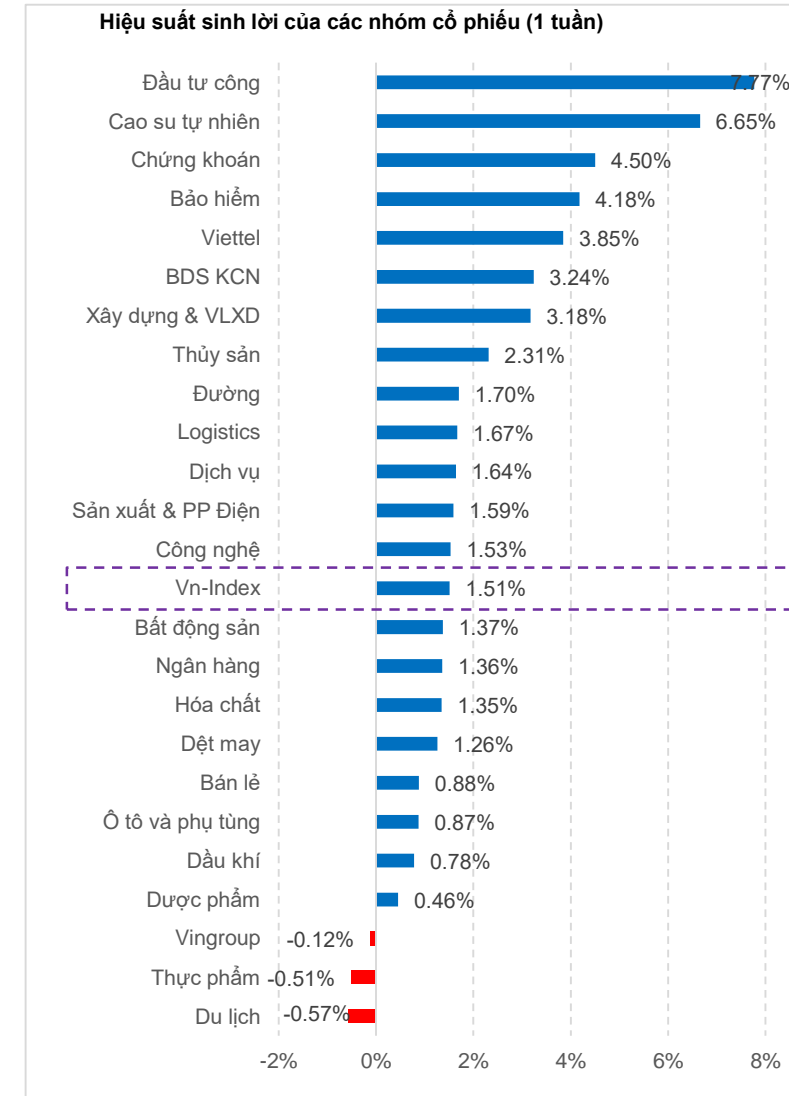
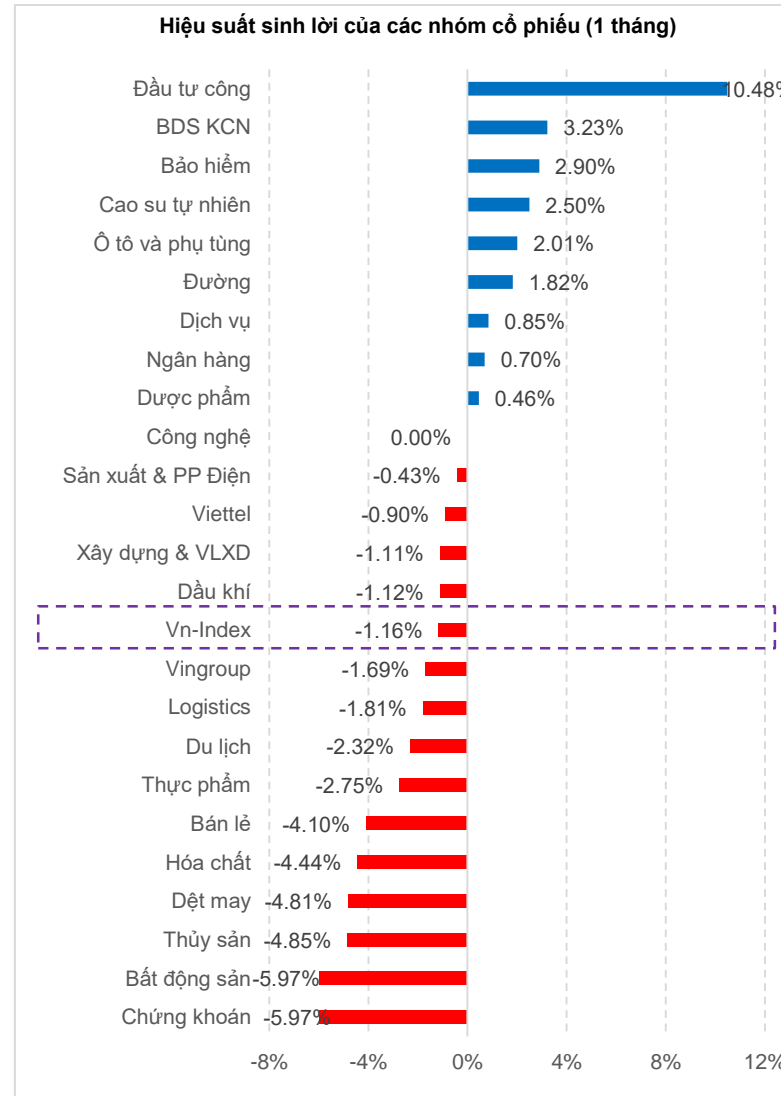
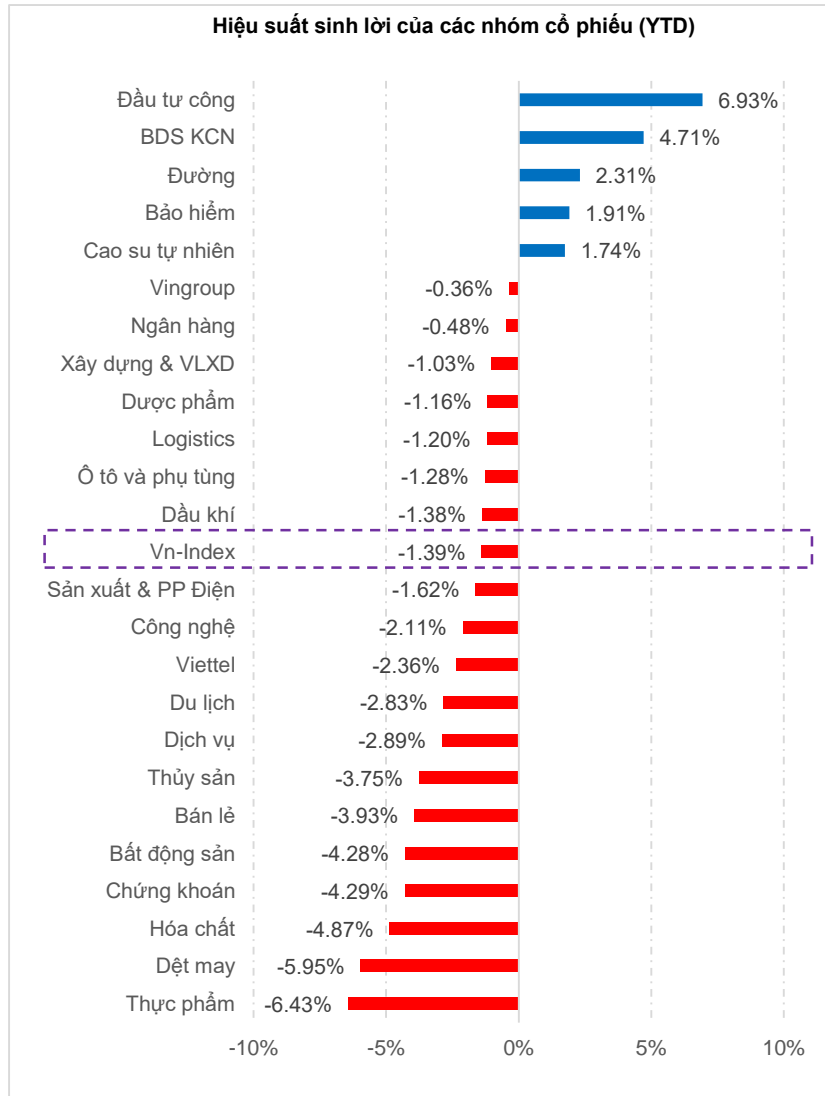
Chỉ số Vn-Index phục hồi về vùng 1.250 điểm nhưng phần lớn nhóm cổ phiếu đang nằm dưới ngưỡng kỹ thuật này



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

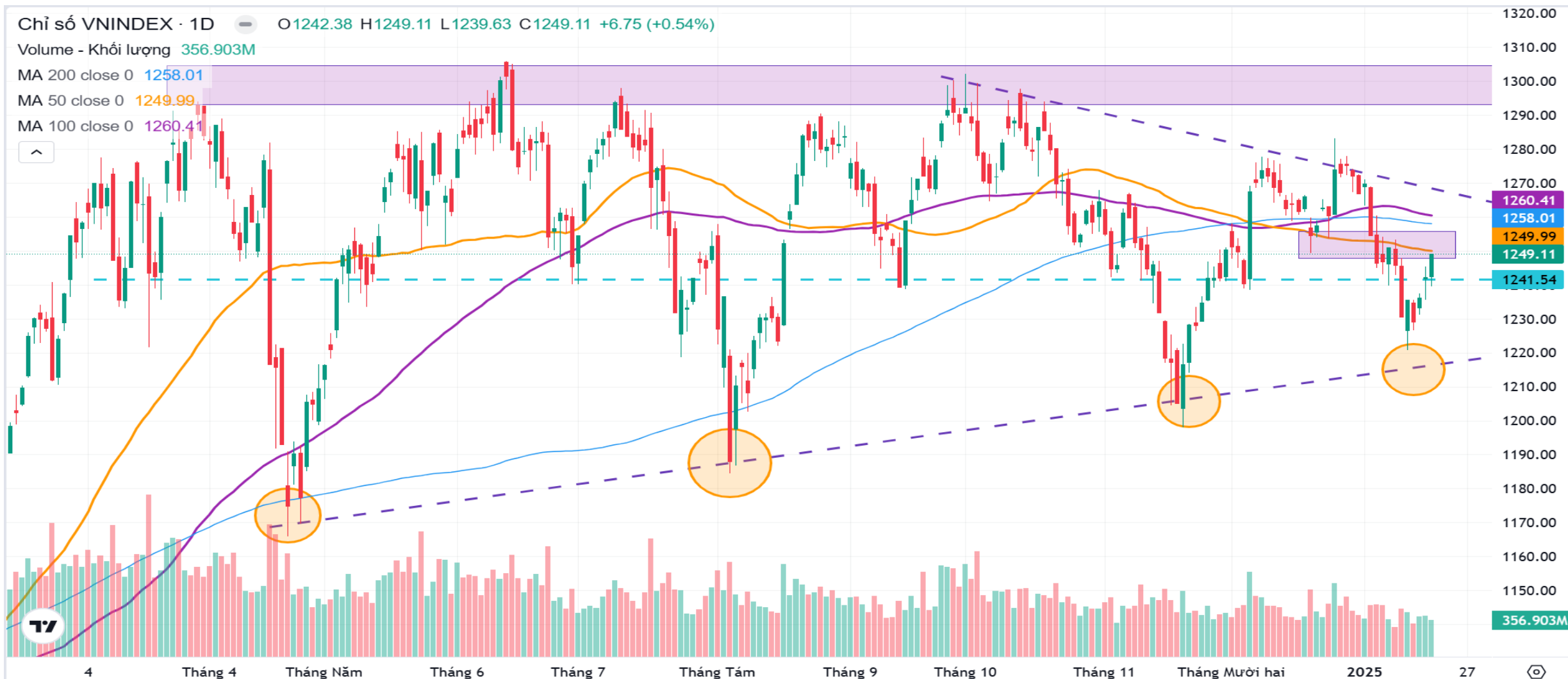


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Vn-Index phục hồi về sát ngưỡng 1.250 điểm, lực cản khá mạnh khi tiến vào vùng 1.258 – 1.260 điểm

Đồ thị kỹ thuật ngày của chỉ số Vn-Index: Chỉ số Vn-Index đã tạo được vùng đáy ở quanh ngưỡng 1.230 điểm, kháng cự ở 1.260 điểm

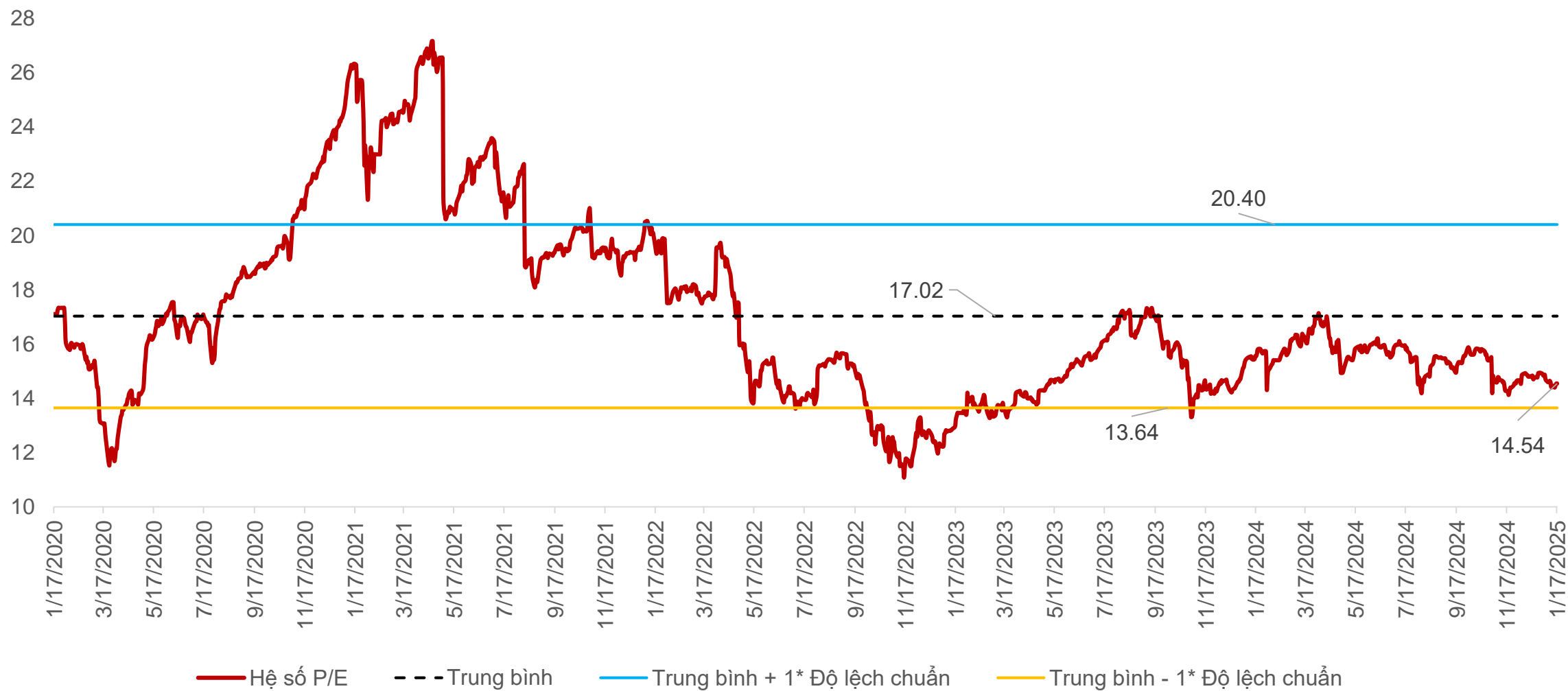


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E - Cập nhật 17/01/2025



👉 Ưu điểm vượt trội:

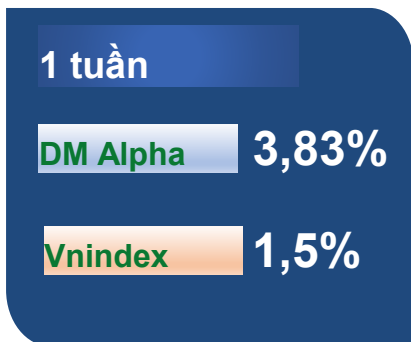
- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	HPG	25,400	11/20/2024	29,000	23,300	14.17%	-8.27%	40	1/17/2025	26,500	4.33%
2	REE	68,000	12/3/2024	75,000	61,000	10.29%	-10.29%	31	1/17/2025	66,700	-1.91%

HPG Doanh thu tăng 19% svck lên mức 34,300 tỷ VNĐ nhờ sản lượng tăng trưởng 14% svck và mảng nông nghiệp cải thiện 20% svck Biên LN gộp tăng lên mức 14% (+1.5 điểm % svck và 1 điểm % QoQ) nhờ giá nguyên liệu than và quặng giảm mạnh 8% và 9% svck so với giá bán chỉ giảm 6% svck. Doanh thu tài chính giảm 25% svck về mức 528 tỷ VNĐ trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức thấp.

Chi phí tài chính giảm 40% svck đạt mức 832 tỷ VNĐ nhờ áp lực tỷ giá và lãi vay hạ nhiệt. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng đạt 720 tỷ VNĐ (+30% svck) do áp lực tăng đến từ chi phí vận tải. Chi phí QLDN tăng nhẹ 5% svck lên mức 321 tỷ VNĐ.

Nhờ biên gộp tiếp tục cải thiện, LN ròng của HPG tăng 51% svck lên mức 3,021 tỷ VNĐ. Lũy kế 9T/24, LN ròng đạt 9,212 tỷ (+138% svck và đạt 92% kế hoạch LN cả năm).

Tiến độ hiện tại của DQ2: DQ2 đã gần như hoàn thành lắp đặt các dây chuyền chính của phân kì 1 và đạt 50% của phân kì 2. Lò cao đầu tiên sẽ chạy thử từ Q4/24 và phân kì 2 dự kiến sẽ hoàn thành vào Q4/25.

REE LN ròng Q3/24 tăng 7% svck, hỗ trợ bởi LN thủy điện cải thiện từ nền thấp, bù đắp cho đà giảm ở hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi. LN ròng 9T24 giảm 22% svck, thấp hơn so với kỳ vọng hoàn thành 63% dự phóng cả năm của chúng tôi. Thủy điện phục hồi cùng triển vọng mảng BĐS dự kiến hỗ trợ LN ròng 2025-26 tăng trưởng kép 15% sau khi ghi nhận LN ròng giảm 7.7% trong 2024.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		1.51	(1.16)	(1.39)
1	VCB	518.11	1.20	(0.64)	1.43
2	BID	271.76	1.02	2.20	5.19
3	VGI	262.38	3.40	(2.44)	(3.93)
4	ACV	260.15	2.08	2.08	(2.70)
5	FPT	215.51	1.15	(0.60)	(2.30)
6	CTG	197.62	(0.80)	2.62	(1.59)
7	TCB	168.50	4.27	0.41	(1.01)
8	HPG	168.22	3.72	(1.85)	(0.56)
9	VHM	164.30	0.25	(2.08)	0.25
10	MCH	160.87	(2.63)	1.18	(11.45)
11	GAS	156.72	0.15	1.91	(1.91)
12	VIC	154.67	(0.12)	(0.61)	(0.25)

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	VPB	145.98	(0.27)	(3.40)	(3.91)
14	MBB	130.59	1.65	2.68	(1.41)
15	VNM	129.37	1.14	(3.87)	(2.21)
16	GVR	113.80	2.68	(7.85)	(5.27)
17	ACB	111.00	1.01	(0.80)	(3.29)
18	MSN	95.36	0.61	(7.31)	(5.86)
19	LPB	93.95	5.63	12.49	2.08
20	MWG	84.47	0.35	(5.41)	(5.41)
21	MVN	82.84	20.39	63.04	36.12
22	HDB	75.84	4.17	(5.26)	(11.76)
23	BCM	71.73	(1.14)	1.76	(2.40)
24	SAB	69.26	(0.37)	(3.44)	(3.78)
25	BSR	67.90	(5.26)	8.00	(5.26)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		1.51	(1.16)	(1.39)
26	STB	66.83	1.56	4.84	(3.12)
27	VIB	58.69	2.85	2.85	0.76
28	HVN	58.57	0.93	(1.10)	(5.58)
29	VJC	53.57	0.41	(2.94)	(1.00)
30	VEA	51.96	1.03	2.08	(1.26)
31	PLX	50.82	4.99	3.36	6.67
32	SSB	50.46	2.87	3.47	6.87
33	SSI	47.87	3.59	(5.94)	(5.76)
34	FOX	47.08	4.53	4.42	2.27
35	TPB	42.40	1.57	(0.31)	(3.00)
36	DGC	41.70	(0.18)	(4.94)	(5.83)
37	BVH	38.01	5.45	(0.19)	2.96

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	VRE	37.61	(1.78)	(4.34)	(3.50)
39	SHB	37.17	0.49	(1.92)	(0.49)
40	KDH	34.73	1.18	(0.58)	(4.71)
41	EIB	34.09	1.10	(5.67)	(5.18)
42	PNJ	32.10	1.49	(3.05)	(2.76)
43	REE	30.90	3.73	0.76	(1.77)
44	KSV	28.44	14.21	105.36	39.72
45	VEF	28.31	4.14	1.70	0.93
46	MSB	28.21	0.46	(5.63)	(6.44)
47	POW	27.75	0.86	(5.24)	(2.08)
48	OCB	26.14	0.95	(2.29)	(6.58)
49	GMD	25.34	0.00	(5.78)	(4.91)
50	SSH	25.28	1.35	1.05	0.90

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đình Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Nguyễn Đức Hào

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng